

Occupational health and safety management systems - Requirements ISO 45001:2018

Introduction

0.1 Background

An organization is responsible for the occupational health and safety of its workers and other persons under its control who are performing work on its behalf. This responsibilities includes promoting and protecting their physical and mental health.

The adoption of an OH&S management system is intended to enable an organization to provide safe and healthy workplaces, prevent work-related injury and ill health, and continually improve its OH&S performance.

0.2 Aim of an OH&S management system

The purpose of an OH&S management system is to provide a framework for managing OH&S Risk. The intended outcomes of the OH&S management system are to prevent work-related injury and ill health to workers and to provide safe and healthy workplaces; consequently, it is critically important for the organization to eliminate hazards and minimize OH&S risks by taking effective preventive and protective measures.

When these measures are applied by the organization through its OH&S management system they improve its OH&S performance. An OH&S management system can be more effective and efficient when taking early action to address opportunities for improvement of OH&S performance.

Implementing an OH&S management system conforming to this document enables an organization to manage its OH&S risks and improve its OH&S performance. An OH&S management system can assist an organization to fulfil its legal requirements and other requirements

Hệ thống quản lý An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp – Các yêu cầu

ISO 45001:2018

Giới thiệu

0.1 Khái quát

Tổ chức có trách nhiệm đối với sức khỏe và an toàn nghề nghiệp của người lao động của mình và những người khác dưới sự kiểm soát tổ chức đang thực hiện công việc nhân danh tổ chức. Trách nhiệm này bao gồm việc thúc đẩy và bảo vệ sức khỏe thể chất và tinh thần của họ.

Việc áp dụng hệ thống quản lý OH&S nhằm giúp tổ chức có thể cung cấp nơi làm việc an toàn và lành mạnh, ngăn ngừa thương tích và bệnh tật liên quan đến công việc, và thường xuyên cải tiến kết quả hoạt động của OH&S.

0.2 Mục đích của hệ thống quản lý OH&S

Mục đích của hệ thống quản lý OH&S là đưa ra khuôn khổ quản lý rủi ro của OH&S. Các kết quả dự kiến của hệ thống quản lý OH&S là ngăn ngừa thương tích và sức khỏe yếu kém trong công việc cho người lao động và cung cấp nơi làm việc an toàn và lành mạnh; do đó, điều tối quan trọng là tổ chức phải loại bỏ các mối nguy và giảm thiểu rủi ro OH&S bằng cách thực hiện các biện pháp phòng ngừa và bảo vệ một cách có hiệu lực.

Khi các biện pháp này được tổ chức áp dụng thông qua hệ thống quản lý OH&S của mình thì chúng sẽ cải tiến kết quả hoạt động OH&S của tổ chức. Hệ thống quản lý OH&S có hiệu lực và hiệu quả hơn khi có hành động sớm để nắm bắt các cơ hội nhằm cải tiến kết quả hoạt động OH&S.

Thực hiện hệ thống quản lý OH&S phù hợp với tài liệu này cho phép tổ chức quản lý các rủi ro về OH&S và cải tiến kết quả hoạt động OH&S. Hệ thống quản lý OH&S có thể hỗ trợ tổ chức để hoàn thành các yêu cầu pháp lý và các yêu cầu khác

0.3 Success factors

The implementation of an OH&S management system is a strategic and operational decision for an organization. The success of the OH&S management system depends on leadership, commitment and participation from all levels and functions of the organization.

The implementation and maintenance of an OH&S management system, its effectiveness and its ability to achieve its intended outcomes are dependent on a number of key factors which can include:

- a) top management leadership, commitment, responsibilities and accountability;
- b) top management developing, leading and promoting a culture in the organization that supports the OH&S management system;
- c) communication;
- d) consultation and participation of workers, and, where they exist, workers' representatives;
- e) allocation of the necessary resources to maintain it;
- f) clear OH&S policies, which are compatible with the overall strategic objectives and direction of the organization;
- g) effective process(es) for identifying hazards, controlling OH&S risks and taking advantage of OH&S opportunities;
- h) the continual performance evaluation and monitoring of the OH&S management system to improve OH&S

0.3 Các yếu tố thành công

Việc thực hiện hệ thống quản lý OH&S là một quyết định chiến lược hiệu lực cho tổ chức. Sự thành công của hệ thống quản lý OH&S phụ thuộc vào sự lãnh đạo, cam kết và tham gia của tất cả các cấp và các bộ phận chức năng của tổ chức.

Việc thực hiện và duy trì của hệ thống quản lý OH&S, hiệu lực của hệ thống và khả năng đạt được các kết quả dự kiến của nó phụ thuộc vào một số yếu tố quan trọng, có thể bao gồm:

- a) sự lãnh đạo, cam kết, trách nhiệm & trách nhiệm giải trình của lãnh đạo cao nhất;
- b) việc xây dựng, dẫn dắt và thúc đẩy văn hóa của lãnh đạo cao nhất trong tổ chức nhằm hỗ trợ hệ thống quản lý OH&S;
- c) việc trao đổi thông tin
- d) sự tham vấn và tham gia của người lao động, và, nếu có, đại diện của người lao động;
- e) việc phân bổ các nguồn lực cần thiết để duy trì hệ thống;
- f) các chính sách OH&S rõ ràng và tương thích với các mục tiêu chiến lược tổng thể và định hướng của tổ chức;
- g) các quá trình có hiệu lực để xác định mối nguy, kiểm soát rủi ro về OH&S và tận dụng các cơ hội của OH&S;
- h) đánh giá thường xuyên kết quả hoạt động và theo dõi hệ thống quản lý OH&S để cải

performance;

- i) integration of the OH&S management system into the organization's business processes;
- j) OH&S objectives that align with the OH&S policies and take into account the organization's hazards, OH&S risks and OH&S opportunities;
- k) compliance with its legal requirements and other requirements.

Demonstration of successful implementation of this document can be used by an organization to give assurance to workers and other interested parties that an effective OH&S management system is in place. Adoption of this document, however, will not in itself guarantee prevention of work-related injury and ill health to workers, provision of safe and healthy workplaces and improved OH&S performance.

The level of detail, the complexity, the extent of documented information, and the resources needed to ensure the success of an organization's OH&S management system will depend on a number of factors, such as:

- the organization's context (e.g. number of workers, size, geography, culture, social conditions, applicable legal requirements and other requirements);
- the scope of the organization's OH&S management system;
- the nature of the organization's activities and the related OH&S risks.

0.4 Plan-Do-Check-Act cycle

The OH&S management system approach applied in this Document is founded on the concept of Plan-Do-Check-Act (PDCA).

tiến kết quả hoạt động OH&S;

- i) tích hợp hệ thống quản lý OH&S vào các quá trình kinh doanh của tổ chức;
- j) Các mục tiêu của OH&S gắn kết với các chính sách của OH&S và có tính đến các mối nguy của tổ chức, rủi ro OH&S và các cơ hội OH&S;
- k) tuân thủ các yêu cầu pháp lý và các yêu cầu khác.

Bằng cách chứng tỏ việc thực hiện thành công tài liệu (tiêu chuẩn) này, có thể được tổ chức sử dụng để đảm bảo cho người lao động và các bên quan tâm khác rằng tổ chức đang thực hiện hệ thống quản lý OH&S có hiệu lực. Tuy nhiên, việc áp dụng tài liệu này tự bản thân nó sẽ không đảm bảo việc ngăn ngừa thương tích và bệnh tật cho người lao động, cung cấp nơi làm việc an toàn và lành mạnh và cải tiến kết quả hoạt động của OH&S.

Cấp độ chi tiết, độ phức tạp, mức độ của thông tin dạng văn bản, và các nguồn lực cần thiết để đảm bảo sự thành công của hệ thống quản lý OH&S của tổ chức phụ thuộc vào một số yếu tố, chẳng hạn như:

- bối cảnh của tổ chức (ví dụ như số người lao động, quy mô, địa lý, văn hóa, các điều kiện xã hội, các yêu cầu pháp lý và các yêu cầu khác cần áp dụng);
- phạm vi của hệ thống OH&S của tổ chức;
- Bản chất các hoạt động của tổ chức và các rủi ro OH&S liên quan;

0.4 Quá trình Hoạch định-Thực hiện-Kiểm tra-Hành động

Cách tiếp cận hệ thống quản lý OH&S được áp dụng trong Tiêu chuẩn này được xây dựng theo quan điểm của mô hình Hoạch định-Thực hiện-Kiểm tra-Hành động (PDCA).

The PDCA concept is an iterative process used by organizations to achieve continual improvement. It can be applied to a management system and to each of its individual elements, as follows:

- Plan: determine and assess OH&S risks, OH&S opportunities and other risks and other opportunities, establish OH&S objectives and processes necessary to deliver results in accordance with the organization's OH&S policy;
- Do: implement the processes as planned.
- Check: monitor and measure activities and processes with regard to the OH&S policy and objectives, and report the results.
- Act: take actions to continually improve the OH&S performance to achieve the intended outcomes.

This document incorporates the PDCA concept into a new framework, as shown in Figure 1.

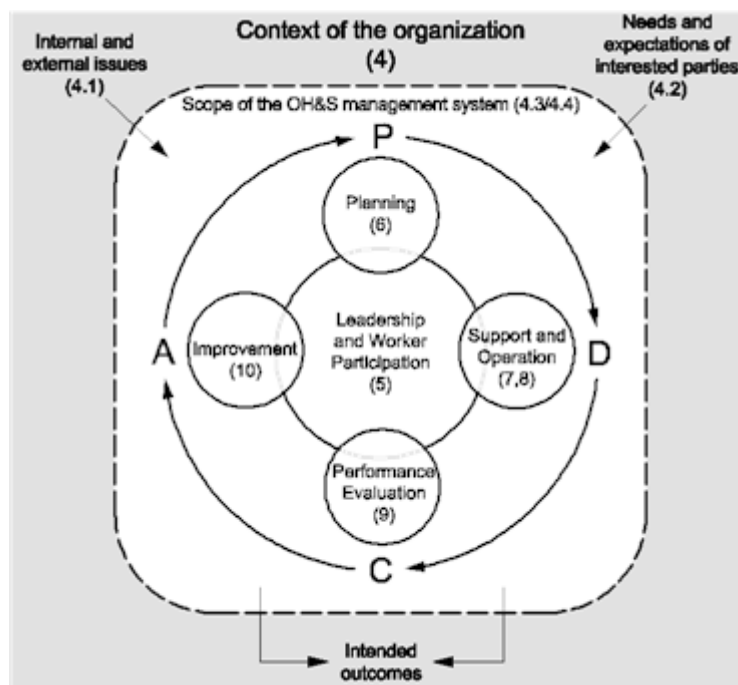
Figure 1 — OH&S management system model for this Document

Mô hình PDCA là một quá trình lặp đi lặp lại được các tổ chức sử dụng để đạt được cải tiến thường xuyên. Nó có thể được áp dụng cho một hệ thống quản lý và cho mỗi yếu tố riêng của hệ thống, như sau:

- Hoạch định: xác định và đánh giá rủi ro OH&S, các cơ hội OH&S và các rủi ro khác và các cơ hội khác, thiết lập các mục tiêu OH&S và các quá trình cần thiết để mang lại kết quả phù hợp với chính sách OH&S của tổ chức;
- Thực hiện: tiến hành các quá trình theo hoạch định.
- Kiểm tra: theo dõi và đo lường các hoạt động và quá trình liên quan đến chính sách và mục tiêu OH&S và báo cáo kết quả.
- Hành động: có hành động để cải tiến thường xuyên kết quả hoạt động OH&S để đạt được kết quả dự kiến.

Tài liệu này kết hợp khái niệm PDCA vào khuôn khổ mới như được thể hiện trong hình 1.

Hình 1 — Mô hình hệ thống quản lý OH&S cho Tiêu chuẩn này



NOTE The numbers given in brackets refer to the clause numbers in this Document.

CHÚ THÍCH Các chữ số được đưa ra trong ngoặc đơn để chỉ điều khoản trong tài liệu này.

0.5 Contents of this document

This document conforms to ISO's requirements for management system standards. These requirements include a high level structure, identical core text and common terms with core definitions, designed to benefit users implementing multiple ISO management system standards.

This document does not include requirements specific to other subjects, such as those for quality, social responsibility, environmental, security or financial management, though its elements can be aligned or integrated with those of other management systems

This document contains requirements that can be used by an organization to implement an OH&S management system and to assess conformity. An organization that wishes to demonstrate conformity to this document can do so by:

- making a self-determination and self-declaration, or
- seeking confirmation of its conformity by parties having an interest in the organization, such as customers, or
- seeking confirmation of its self-declaration by a party external to the organization, or
- seeking certification/registration of its OH&S management system by an external organization.

Clauses 1 to 3 in this document set out the scope, normative references and terms and definitions which apply to the use of this document, while Clauses 4 to 10 contain the requirements to be used to assess conformity to this document. Annex A provides informative explanations to these requirements. The terms

0.5 Nội dung của Tiêu chuẩn

Tài liệu này phù hợp với các yêu cầu của ISO với các tiêu chuẩn hệ thống quản lý. Các yêu cầu này bao gồm cấu trúc bậc cao, nội dung yêu cầu chung và các thuật ngữ chung với các định nghĩa chính, được thiết kế để mang lại lợi ích cho người dùng thực hiện nhiều tiêu chuẩn hệ thống quản lý ISO.

Tiêu chuẩn này không bao gồm các yêu cầu cụ thể đối với các hệ thống quản lý khác, chẳng hạn như hệ thống quản lý chất lượng, trách nhiệm xã hội, môi trường, an ninh, hoặc quản lý tài chính, mặc dù các thành phần của nó có thể được liên kết hay tích hợp với những hệ thống quản lý khác.

Tài liệu này bao gồm những yêu cầu mà tổ chức có thể sử dụng để thực hiện hệ thống quản lý OH&S và để đánh giá sự phù hợp. Tổ chức muốn chứng minh sự phù hợp với tài liệu này có thể làm như sau:

- tự quyết định thực hiện và tự công bố, hoặc
- tìm kiếm xác nhận sự phù hợp của các bên có quan tâm đến tổ chức, chẳng hạn như khách hàng, hoặc
- tìm kiếm sự xác nhận đối với việc tự tuyên bố của mình bởi tổ chức bên ngoài, hoặc
- tìm kiếm việc chứng nhận / đăng ký hệ thống quản lý OH&S của tổ chức bên ngoài.

Các điều khoản 1 đến 3 của tài liệu này thiết lập phạm vi, các tài liệu tham khảo và các định nghĩa áp dụng cho việc sử dụng tài liệu này, trong khi các điều khoản 4-10 bao gồm các yêu cầu được sử dụng để đánh giá sự phù hợp với tài liệu này. Phụ lục A cung cấp sự giải thích thông tin cho các yêu cầu này. Các thuật ngữ và định nghĩa trong điều khoản 3 được sắp xếp theo thứ tự khái

and definitions in Clause 3 are arranged in conceptual order, with an alphabetical index provided at the end of this document. In this Document, the following verbal forms are used:

- “shall” indicates a requirement;
- “should” indicates a recommendation;
- “may” indicates a permission;
- “can” indicates a possibility or a capability;

Information marked as “NOTE” is for guidance in understanding or clarifying the associated requirement. “Notes to entry” used in Clause 3 provide additional information that supplements the terminological data and can contain provisions relating to the use of a term.

1 Scope

This document specifies requirements for an occupational health and safety (OH&S) management system, and gives guidance for its use, to enable organizations to provide safe and healthy workplaces, by preventing work-related injury and ill health and to proactively improve its OH&S performance.

This document is applicable to any organization that wishes to establish, implement and maintain an OH&S management system to improve occupational health and safety, eliminate hazards and minimize OH&S risks (including system deficiencies), take advantage of OH&S opportunities, and address OH&S management system nonconformities associated with its activities.

This document helps an organization to achieve the intended outcomes of its OH&S management system. Consistent with the organization’s OH&S policy, the intended outcomes of an OH&S management system include:

- a) continual improvement of OH&S performance;
- b) fulfilment of legal requirements and

niệm, với mục chữ cái được cung cấp ở cuối của tài liệu này. Tiêu chuẩn này sử dụng các dạng thức từ sau đây:

- “phải” chỉ một yêu cầu
- “cần” chỉ một khuyến nghị;
- “được phép” chỉ 1 sự cho phép;
- “có thể” chỉ khả năng hoặc năng lực;

Thông tin nêu trong “CHÚ THÍCH” là hướng dẫn để hiểu hoặc làm rõ yêu cầu liên quan. “CHÚ THÍCH to entry” sử dụng tại Điều 3 cung cấp thêm thông tin bổ sung các dữ liệu về thuật ngữ và có thể bao gồm các giải thích liên quan đến việc sử dụng thuật ngữ.

1 Phạm vi

Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu đối với hệ thống quản lý sức khỏe và an toàn nghề nghiệp (OH&S) với hướng dẫn sử dụng cho phép tổ chức cung cấp các nơi làm việc an toàn và lành mạnh bằng cách phòng chống tổn thương và bệnh tật liên quan đến công việc và chủ động cải tiến kết quả hoạt động OH&S.

Tài liệu này áp dụng cho bất kỳ tổ chức nào muốn thiết lập, triển khai và duy trì hệ thống quản lý OH&S để cải tiến sức khỏe và an toàn nghề nghiệp, loại bỏ mối nguy và giảm thiểu rủi ro về OH&S (bao gồm cả các khiếm khuyết về hệ thống), tận dụng các cơ hội OH&S và xử lý sự không phù hợp của hệ thống quản lý OH&S liên quan đến các hoạt động của hệ thống.

Tài liệu này giúp tổ chức đạt được các kết quả dự kiến của hệ thống quản lý OH&S. Nhất quán với chính sách OH&S của tổ chức, các kết quả dự kiến của hệ thống quản lý OH&S bao gồm:

- a) cải tiến thường xuyên kết quả hoạt động của OH&S
- b) hoàn thành các yêu cầu pháp lý và các yêu

other requirements;

cầu khác;

c) achievement of OH&S objectives.

c) đạt được các mục tiêu của OH&S.

This document is intended to be applicable to any organization regardless of its size, type and activities and applies to the OH&S risks under the organization's control, taking into account factors such as the context in which the organization operates and the needs and expectations of its workers and other interested parties.

Tiêu chuẩn này có thể áp dụng cho bất kỳ tổ chức nào không phân biệt quy mô, loại hình và hoạt động và áp dụng đối với các rủi ro OH&S dưới sự kiểm soát của tổ chức, có tính đến các yếu tố như bối cảnh hoạt động của tổ chức, các nhu cầu và mong đợi của người lao động và các bên quan tâm khác.

This Document does not state specific criteria for OH&S performance, nor is it prescriptive about the design of an OH&S management system.

Tiêu chuẩn này không quy định các tiêu chí cụ thể đối với kết quả hoạt động OH&S, cũng không đưa ra các chỉ dẫn chi tiết về việc thiết kế hệ thống quản lý OH&S.

This Document enables an organization, through its OH&S management system, to integrate other aspects of health and safety, such as worker wellness/ wellbeing.

Tiêu chuẩn này cho phép tổ chức, thông qua hệ thống quản lý OH&S để tích hợp các khía cạnh khác về sức khỏe và an toàn, chẳng hạn như sức khỏe/ phúc lợi của người lao động.

This Document does not address issues such as product safety, property damage or environmental impacts, beyond the risks they provide to workers and other relevant interested parties

Tiêu chuẩn này không giải quyết các vấn đề như an toàn sản phẩm, thiệt hại tài sản hoặc các tác động môi trường, ngoài những rủi ro cho người lao động và các bên quan tâm khác có liên quan.

This Document can be used in whole or in part to systematically improve OH&S management. However, claims of conformity to this Document are not acceptable unless all its requirements are incorporated into an organization's OH&S management system and fulfilled without exclusion.

Có thể sử dụng toàn bộ hoặc một phần Tiêu chuẩn này để cải tiến việc quản lý OH&S một cách hệ thống. Tuy nhiên, các tuyên bố về sự phù hợp với Tiêu chuẩn quốc tế này chỉ được chấp nhận khi tất cả các yêu cầu của tiêu chuẩn được đưa vào hệ thống quản lý OH&S của tổ chức và được thực hiện đầy đủ mà không có ngoại lệ nào.

2 Normative references

There are no normative references in this document.

2 Tài liệu tham khảo

Không có tài liệu viện dẫn nào trong tài liệu này

3 Terms and definitions

For the purposes of this document, the following terms and definitions apply.

3 Thuật ngữ và định nghĩa

Tài liệu này sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa dưới đây:

ISO and IEC maintain terminological databases for use in standardization at the following addresses:

ISO và IEC duy trì cơ sở dữ liệu về thuật ngữ để sử dụng trong hoạt động tiêu chuẩn hoá tại các địa chỉ sau:

— ISO Online browsing platform: available at

— Nền tảng trình duyệt trực tuyến ISO: có tại

<https://www.iso.org/obp>

— IEC Electropedia: available at
<http://www.electropedia.org/>

3.1 organization

person or group of people that has its own functions with responsibilities, authorities and relationships to achieve its *objectives* (3.16)

Note 1 to entry: The concept of organization includes, but is not limited to sole-trader, company, corporation, firm, enterprise, authority, partnership, charity or institution, or part or combination thereof, whether incorporated or not, public or private.

Note 2 to entry: This constitutes one of the common terms and core definitions for ISO management system standards given in Annex SL of the Consolidated ISO Supplement to the ISO/IEC Directives, Part 1.

3.2 interested party

interested party (preferred term)
stakeholder (admitted term)

person or *organization* (3.1) that can affect, be affected by, or perceive itself to be affected by a decision or activity

Note 1 to entry: This constitutes one of the common terms and core definitions for ISO management system standards given in Annex SL of the Consolidated ISO Supplement to the ISO/IEC Directives, Part 1.

3.3 worker

person performing work or work-related activities under the control of the organization (3.1)

Note 1 to entry: Persons perform work or work-related activities under various arrangements, paid or unpaid, such as regularly or temporarily, intermittently or seasonally, casually or on a part-time basis.

<https://www.iso.org/obp>

— IEC Electropedia: có tại
<http://www.electropedia.org/>

3.1 Tổ chức

Người hoặc nhóm người với các chức năng riêng của mình có trách nhiệm, quyền hạn và mối quan hệ để đạt được các mục tiêu của mình(3.16)

Chú thích 1: Khái niệm về tổ chức bao gồm, nhưng không giới hạn ở thương nhân độc quyền, công ty, tập đoàn, hãng, doanh nghiệp, cơ quan quản lý, hiệp hội, hội từ thiện hoặc viện, hay một phần hoặc kết hợp của các loại hình này, cho dù có được hợp nhất hay không và là tổ chức công hay tư.

Chú thích 2: Đây là một trong những thuật ngữ chung và định nghĩa chính của các tiêu chuẩn hệ thống quản lý của ISO, được đưa ra trong Phụ lục SL của ISO bổ sung cho các Chỉ thị ISO / IEC, Phần 1.

3.2 bên quan tâm

interested party (preferred term)
stakeholder (admitted term)

Cá nhân hoặc tổ chức (3.1) có thể gây ảnh hưởng, chịu ảnh hưởng hoặc tự nhận thấy bị ảnh hưởng bởi một quyết định hay hoạt động.

Chú thích 1: Đây là một trong những thuật ngữ chung và định nghĩa chính của các tiêu chuẩn hệ thống quản lý của ISO, được đưa ra trong Phụ lục SL của ISO bổ sung cho các Chỉ thị ISO / IEC, Phần 1.

3 Người lao động

Cá nhân thực hiện công việc hoặc các hoạt động liên quan đến công việc dưới sự kiểm soát của tổ chức (3.1)

Chú thích 1: Người thực hiện các công việc hoặc các hoạt động liên quan đến công việc theo các cách thức khác nhau, được trả tiền hoặc không được trả tiền, như thường xuyên hoặc tạm thời, liên tục hoặc mùa vụ, thỉnh thoảng hoặc trên cơ sở

Note 2 to entry: Workers include top management (3.12), managerial and non-managerial persons.

Note 3 to entry: The work or work-related activities performed under the control of the organization may be performed by workers employed by the organization, workers of external providers, contractors, individuals, agency workers, and by other persons to the extent the organization shares control over their work or work-related activities, according to the context of the organization.

3.4 participation

involvement of workers (3.3) in decision-making

Note 1 to entry: Participation includes engaging health and safety committees and workers' representatives, where they exist

3.5 consultation

seeking views before making a decision

Note 1 to entry: Consultation includes engaging health and safety committees and workers' representatives, where they exist.

3.6 workplace

place under the control of the organization (3.1) where a person needs to be or to go for work purposes

Note 1 to entry: The organization's responsibilities under the OH&S management system (3.11) for the workplace depends on the degree of control over the workplace.

3.7 contractor

external organization (3.1) providing services to the organization at a workplace (3.6) in accordance with agreed specifications, terms and conditions

bán thời gian.

Chú thích 2: Người lao động bao gồm lãnh đạo cao nhất (3.12), người quản lý và không quản lý.

Chú thích 3: Công việc hay các hoạt động liên quan đến công việc được thực hiện dưới sự kiểm soát của tổ chức có thể được thực hiện bởi người lao động do tổ chức tuyển dụng, người lao động của nhà cung cấp bên ngoài, nhà thầu, cá nhân, người lao động của công ty cung cấp nhân lực và bởi những người khác trong phạm vi mà tổ chức chia sẻ việc kiểm soát đối với công việc hoặc các hoạt động liên quan đến công việc của họ, theo bối cảnh của tổ chức.

3.4 Sự tham gia

sự tham gia của người lao động (3.3) vào việc ra quyết định

Ghi chú 1: Sự tham gia bao gồm việc lôi cuốn sự tham gia của các ủy ban an toàn và sức khỏe và của đại diện người lao động, nếu có

3.5 sự tham vấn

tìm kiếm quan điểm trước khi đưa ra quyết định

Chú thích 1: Tham vấn bao gồm việc lôi cuốn sự tham gia của các ủy ban an toàn và sức khỏe và của đại diện người lao động, nếu có

3.6 nơi làm việc

địa điểm dưới sự kiểm soát của tổ chức (3.1), nơi cá nhân cần phải có mặt hoặc phải đến vì lý do công việc

Chú thích 1: Trách nhiệm của tổ chức theo hệ thống quản lý OH&S (3.11) đối với nơi làm việc phụ thuộc vào mức độ kiểm soát nơi làm việc.

3.7 nhà thầu

tổ chức (3.1) bên ngoài cung cấp dịch vụ cho tổ chức tại nơi làm việc (3.6) theo thông số kỹ thuật, các điều khoản và điều kiện đã thỏa thuận

Note 1 to entry: Services may include construction activities, among others

3.8 requirement

need or expectation that is stated, generally implied or obligatory

Note 1 to entry: “Generally implied” means a custom or common practice for the organization (3.1) and interested parties (3.2) that the need or expectation under consideration is implied.

Note 2 to entry: A specified requirement is one that is stated, for example in documented information (3.24).

Note 3 to entry: This constitutes one of the common terms and core definitions for ISO management system standards given in Annex SL of the Consolidated ISO Supplement to the ISO/IEC Directives, Part 1.

3.9 legal requirements and other requirements

legal requirements that an organization (3.1) has to comply with and other requirements (3.8) that an organization has to or chooses to comply with

Note 1 to entry: For the purposes of this Document, legal requirements and other requirements are those relevant to the OH&S management system (3.11).

Note 2 to entry: Legally-binding obligations may include the provisions in collective agreements.

Note 3 Legal requirements and other requirements include those that identify the persons who are workers’ (3.3) representatives in accordance with laws, regulations, collective agreements and practice.

3.10 management system

set of interrelated or interacting elements of an organization (3.1) to establish policies (3.14) and objectives (3.16) and processes (3.25) to

Chú thích 1: Dịch vụ có thể bao gồm các hoạt động xây dựng, trong số nhiều các hoạt động khác

3.8 yêu cầu

nhu cầu hoặc mong đợi được công bố, ngầm hiểu chung hoặc bắt buộc

Chú thích 1: “Ngầm hiểu chung” nghĩa là đối với tổ chức (3.1.4) và các bên quan tâm (3.1.6) nhu cầu hoặc mong đợi được coi là ngầm hiểu mang tính thông lệ hoặc thực hành chung.

Chú thích 2: Một yêu cầu được gọi là quy định nếu yêu cầu đó được công bố, ví dụ trong thông tin dạng văn bản (3.3.2).

Chú thích 3: Đây là một trong những thuật ngữ chung và định nghĩa chính của các tiêu chuẩn hệ thống quản lý của ISO, được đưa ra trong Phụ lục SL của ISO bổ sung cho các Chỉ thị ISO / IEC, Phần 1.

3.9 yêu cầu pháp lý và các yêu cầu khác

yêu cầu pháp lý mà tổ chức (3.1) phải tuân thủ và các yêu cầu khác (3.8) mà một tổ chức phải hoặc lựa chọn để tuân thủ

Chú thích 1: Trong Tiêu chuẩn này, các yêu cầu pháp lý và các yêu cầu khác là những yêu cầu có liên quan đến hệ thống quản lý OH&S (3.11).

Chú thích 2: Các nghĩa vụ ràng buộc pháp lý có thể bao gồm các điều khoản trong các thoả ước tập thể.

Chú thích 3: Các yêu cầu pháp lý và các yêu cầu khác bao gồm cả những yêu cầu xác định ai là đại diện người lao động (3.3) theo quy định của pháp luật, các quy chế, thoả ước tập thể và thông lệ/tập quán.

3.10 hệ thống quản lý

Tập hợp các yếu tố có quan hệ hoặc tương tác với nhau trong một tổ chức (3.1) để thiết lập các chính

achieve those objectives

sách (3.14) và mục tiêu (3.16) và các quá trình (3.25) để đạt được các mục tiêu đó.

Note 1 to entry: A management system can address a single discipline or several disciplines.

Chú thích 1: Một hệ thống quản lý có thể đề cập đến một lĩnh vực riêng lẻ hoặc nhóm lĩnh vực.

Note 2 to entry: The system elements include the organization's structure, roles and responsibilities, planning and operation, performance evaluation and improvement.

Chú thích 2: Các yếu tố của hệ thống bao gồm cơ cấu, các vai trò và trách nhiệm, hoạch định và hoạt động, đánh giá kết quả hoạt động và sự cải tiến của tổ chức.

Note 3 to entry: The scope of a management system may include the whole of the organization, specific and identified functions of the organization, specific and identified sections of the organization, or one or more functions across a group of organizations.

Chú thích 3: Phạm vi của hệ thống quản lý có thể bao gồm toàn bộ tổ chức, các chức năng cụ thể và được nhận biết của tổ chức, các bộ phận cụ thể và được nhận biết của tổ chức, hoặc một hay nhiều chức năng xuyên suốt một nhóm các tổ chức.

3.11 occupational health and safety management system

OH&S management system

management system (3.10) or part of a management system used to achieve the OH&S policy (3.15).

3.11 hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp

Hệ thống quản lý OH&S

hệ thống quản lý (3.10) hoặc một phần của hệ thống quản lý được sử dụng để đạt được chính sách OH&S (3.15).

Note 1 to entry: The intended outcomes of the OH&S management system are to prevent injury and ill health (3.18) to workers (3.3) and to provide safe and healthy workplace(s) (3.4).

Chú thích 1: Các kết quả dự kiến của hệ thống quản lý OH&S là để ngăn ngừa chấn thương và bệnh tật (3.18) cho người lao động (3.3) và cung cấp nơi làm việc (3.4) an toàn và lành mạnh.

Note 2 to entry: The terms "occupational health and safety" (OH&S) and "occupational safety and health" (OSH) have the same meaning.

Chú thích 2: Các thuật ngữ "sức khỏe và an toàn nghề nghiệp" (OH&S) và "an toàn & sức khỏe nghề nghiệp" (OSH) có ý nghĩa như nhau.

3.12 top management

person or group of people who directs and controls an organization (3.1) at the highest level

3.12 lãnh đạo cao nhất

Người hoặc nhóm người định hướng và kiểm soát một tổ chức (3.1) ở cấp cao nhất

Note 1 to entry: Top management has the power to delegate authority and provide resources within the organization provided ultimate responsibility for the OH&S management system (3.11) is retained.

Chú thích 1: Lãnh đạo cao nhất đủ quyền lực để thực thi thẩm quyền quản lý và cung cấp nguồn lực trong một tổ chức nhưng vẫn có trách nhiệm cuối cùng đối với hệ thống quản lý OH&S (3.11)

Note 2 to entry: If the scope of the management system (3.10) covers only part of an organization, then top management refers

Chú thích 2: Nếu phạm vi của hệ thống quản lý (3.10) chỉ bao gồm một phần của tổ chức thì lãnh đạo cao nhất ám chỉ những người trực tiếp điều

to those who direct and control that part of the organization.

Note 3 to entry: This constitutes one of the common terms and core definitions for ISO management system standards given in Annex SL of the Consolidated ISO Supplement to the ISO/IEC Directives, Part 1. Note 1 to entry has been modified to clarify the responsibility of top management in relation to an OH&S management system.

3.13 effectiveness

extent to which planned activities are realized and planned results achieved

Note 1 to entry: This constitutes one of the common terms and core definitions for ISO management system standards given in Annex SL of the Consolidated ISO Supplement to the ISO/IEC Directives, Part 1.

3.14 policy

intentions and direction of an organization (3.1), as formally expressed by its top management (3.12)

Note 1 to entry: This constitutes one of the common terms and core definitions for ISO management system standards given in Annex SL of the Consolidated ISO Supplement to the ISO/IEC Directives, Part 1.

3.15 occupational health and safety policy

OH&S policy

policy (3.14) to prevent work-related injury and ill health (3.18) to worker(s) (3.3) and to provide a safe and healthy workplace(s) (3.6)

3.16 objective

result to be achieved

Note 1 to entry: An objective can be strategic, tactical, or operational.

Note 2 to entry: Objectives can relate to different disciplines (such as financial, health and safety, and environmental goals) and can apply at different levels (such as strategic, organization-wide, project, product

hành và kiểm soát bộ phận đó của tổ chức.

Chú thích 3: Đây là một trong những thuật ngữ chung và định nghĩa chính của các tiêu chuẩn hệ thống quản lý của ISO, được đưa ra trong Phụ lục SL của ISO bổ sung cho các Chỉ thị ISO / IEC, Phần 1. Chú thích 1 được thay đổi để làm rõ trách nhiệm của lãnh đạo cao nhất trong mối quan hệ với hệ thống quản lý OH&S.

3.13 hiệu lực

Mức độ theo đó các hoạt động đã hoạch định được thực hiện và đạt được các kết quả đã hoạch định.

Chú thích 1: Đây là một trong những thuật ngữ chung và định nghĩa chính của các tiêu chuẩn hệ thống quản lý của ISO, được đưa ra trong Phụ lục SL của ISO bổ sung cho các Chỉ thị ISO / IEC, Phần 1.

3.14 chính sách

Ý đồ và định hướng của tổ chức (3.1) được lãnh đạo cao nhất (3.12) của tổ chức công bố một cách chính thức.

Chú thích 1: Đây là một trong những thuật ngữ chung và định nghĩa chính của các tiêu chuẩn hệ thống quản lý của ISO, được đưa ra trong Phụ lục SL của ISO bổ sung cho các Chỉ thị ISO / IEC, Phần 1.

3.15 chính sách an toàn và sức khỏe nghề nghiệp

chính sách OH&S

chính sách (3.14) để phòng ngừa chấn thương và bệnh tật (3.18) liên quan đến công việc cho người lao động (3.3) và cung cấp môi trường làm việc an toàn và lành mạnh (3.6)

3.16 mục tiêu

kết quả cần đạt được.

Chú thích 1: Một mục tiêu có thể mang tính chiến lược, chiến thuật hoặc tác nghiệp.

Chú thích 2: Các mục tiêu có thể liên quan đến nhiều lĩnh vực (như mục tiêu về tài chính, sức khỏe và an toàn, và môi trường) và có thể áp dụng tại các cấp khác nhau (như chiến lược, toàn bộ tổ

and process (3.25)).

Note 3 to entry: An objective can be expressed in other ways, e.g. as an intended outcome, a purpose, an operational criterion, as an OH&S objective (3.17), or by the use of other words with similar meaning (e.g. aim, goal, or target).

Note 4 to entry: This constitutes one of the common terms and core definitions for ISO management system standards given in Annex SL of the Consolidated ISO Supplement to the ISO/IEC Directives, Part 1. The original "Note 4 to entry" has been deleted as the term "OH&S objective" has been defined separately in 3.17.

3.17 occupational health and safety objective

OH&S objective

objective (3.16) set by the organization (3.1) to achieve specific results consistent with the OH&S policy (3.15)

3.18 injury and ill health

adverse effect on the physical, mental or cognitive condition of a person

Note 1 to entry: These conditions may include occupational disease, illness and death.

Note 2 to entry: The term "injury and ill health" implies the presence of injury or ill health, either on their own or in combination.

3.19 hazard

source or situation with a potential to cause injury and ill health (3.18)

Note 1 to entry: Hazards can include sources with the potential to cause harm or hazardous situations, or circumstances with the potential for exposure leading to injury and ill health.

3.20 risk

effect of uncertainty

Note 1 to entry: An effect is a deviation from the expected — positive or negative.

Note 2 to entry: Uncertainty is the state, even partial, of deficiency of information related to, understanding or knowledge of, an event, its

chức, dự án, sản phẩm, dịch vụ và quá trình (3.25)).

Chú thích 3: Mục tiêu có thể được diễn đạt mục tiêu theo cách khác, ví dụ kết quả dự kiến, mục đích, một chuẩn mực tác nghiệp, như một mục tiêu OH&S (3.17), hoặc sử dụng các từ khác đồng nghĩa (ví dụ như mục đích, đích, hoặc chỉ tiêu).

Chú thích 4: Đây là một trong những thuật ngữ chung và định nghĩa chính của các tiêu chuẩn hệ thống quản lý của ISO, được đưa ra trong Phụ lục SL của ISO bổ sung cho các Chỉ thị ISO / IEC, Phần 1. Bản gốc " chú thích 4" đã bị xóa vì thuật ngữ "Mục tiêu OH&S" đã được xác định riêng trong mục 3.17.

3.17 mục tiêu an toàn và sức khỏe nghề nghiệp

mục tiêu OH&S

mục tiêu (3.16) do tổ chức thiết lập (3.1) nhằm đạt được các kết quả cụ thể phù hợp với chính sách OH&S (3.15)

3.18 chấn thương và bệnh tật

tác động xấu đến tình trạng thể chất, tinh thần hoặc nhận thức của cá nhân

Chú thích 1: Những điều kiện này có thể bao gồm bệnh nghề nghiệp, ốm đau và tử vong.

Chú thích 2: Thuật ngữ "chấn thương và bệnh tật" hàm ý đến sự chấn thương hay bệnh tật hoặc cả hai.

3.19 mối nguy

nguồn hoặc tình huống có khả năng gây chấn thương và bệnh tật (3.18)

Chú thích 1: Mối nguy có thể bao gồm các nguồn có khả năng gây nguy hại hoặc tình huống nguy hiểm, hoặc các trường hợp có khả năng bị phơi nhiễm dẫn đến chấn thương và bệnh tật.

3.20 rủi ro

tác động của sự không chắc chắn

Chú thích 1: Tác động là một sai lệch so với dự kiến - tích cực hoặc tiêu cực.

Chú thích 2: Sự không chắc chắn là tình trạng, dù chỉ là một phần, thiếu hụt thông tin, liên quan tới việc hiểu hoặc nhận thức về một sự kiện, hệ quả

consequence, or likelihood.

Note 3 to entry: Risk is often characterized by reference to potential "events" (as defined in ISO Guide 73:2009, 3.5.1.3) and "consequences" (as defined in ISO Guide 73:2009, 3.6.1.3), or a combination of these.

Note 4: Risk is often expressed in terms of a combination of the consequences of an event (including changes in circumstances) and the associated "likelihood" (as defined in ISO Guide 73:2009, 3.6.1.1) of occurrence.

Note 5 to entry: In this document, where the term "risks and opportunities" is used this means OH&S risks (3.21), OH&S opportunities (3.22) and other risks and other opportunities to the management system.

Note 6 to entry: This constitutes one of the common terms and core definitions for ISO management system standards given in Annex SL of the Consolidated ISO Supplement to the ISO/IEC Directives, Part 1. Note 5 to entry has been added to clarify the term "risks and opportunities" for its use within this document.

3.21 occupational health and safety risk

OH&S risk

combination of the likelihood of occurrence of a work-related hazardous event or exposure(s) and the severity of injury and ill health (3.18) that can be caused by the event or exposures.

3.22 occupational health and safety opportunity

OH&S opportunity

circumstance or set of circumstances that can lead to improvement of OH&S performance (3.28)

3.23 competence

ability to apply knowledge and skills to achieve intended results

Note 1 to entry: This constitutes one of the

của sự kiện đó, hoặc khả năng xảy ra của nó.

Chú thích 3: Rủi ro thường được đặc trưng bởi sự dẫn chiếu đến "sự kiện" tiềm ẩn (định nghĩa tại ISO Guide 73: 2009, 3.5.1.3) và "hậu quả" (định nghĩa tại ISO Guide 73: 2009, 3.6.1.3) , hoặc sự kết hợp giữa chúng.

Chú thích 4: Rủi ro thường thể hiện theo cách kết hợp các hệ quả của một sự kiện (bao gồm cả các thay đổi về hoàn cảnh) và "khả năng xảy ra" (định nghĩa tại ISO Guide 73: 2009, 3.6.1.1) của sự cố.

Chú thích 5: Trong tài liệu này, khi sử dụng thuật ngữ "rủi ro và cơ hội" nghĩa là bao gồm rủi ro OH&S (3.21), cơ hội OH&S (3.22) và các rủi ro khác và các cơ hội khác cho hệ thống quản lý.

Chú thích 6: Đây là một trong những thuật ngữ chung và định nghĩa chính của các tiêu chuẩn hệ thống quản lý của ISO, được đưa ra trong Phụ lục SL của ISO bổ sung cho các Chỉ thị ISO / IEC, Phần 1. Chú thích 5 được thêm vào để làm rõ thuật ngữ "Rủi ro và cơ hội" cho việc sử dụng thuật ngữ trong tài liệu này.

3.21 rủi ro an toàn và sức khỏe nghề nghiệp

rủi ro OH&S

Sự kết hợp của khả năng xảy ra của một sự kiện nguy hại liên quan đến công việc hay sự phơi nhiễm và mức độ nghiêm trọng của các chấn thương hay bệnh tật (3.18) có thể có do các sự kiện hay sự phơi nhiễm.

3.22 cơ hội an toàn và sức khỏe nghề nghiệp

OH&S Cơ hội

tình huống hoặc tập hợp các tình huống có thể dẫn đến việc cải tiến kết quả hoạt động OH&S (3.28)

3.23 năng lực

Khả năng áp dụng kiến thức và kỹ năng để đạt được các kết quả dự kiến.

Chú thích 1: Đây là một trong những thuật ngữ

common terms and core definitions for ISO management system standards given in Annex SL of the Consolidated ISO Supplement to the ISO/IEC Directives, Part 1.

3.24 documented information

information required to be controlled and maintained by an organization (3.1) and the medium on which it is contained

Note 1 to entry: Documented information can be in any format and media and from any source.

Note 2 to entry: Documented information can refer to:

- a) the management system (3.10), including related processes (3.25);
- b) information created in order for the organization to operate (documentation);
- c) evidence of results achieved (records).

Note 3 to entry: This constitutes one of the common terms and core definitions for ISO management system standards given in Annex SL of the Consolidated ISO Supplement to the ISO/IEC Directives, Part 1.

3.25 process

set of interrelated or interacting activities which transforms inputs into outputs

Note 1 to entry: This constitutes one of the common terms and core definitions for ISO management system standards given in Annex SL of the Consolidated ISO Supplement to the ISO/IEC Directives, Part 1.

3.26 procedure

specified way to carry out an activity or a process (3.25)

Note 1 to entry: Procedures may be documented or not.

chung và định nghĩa chính của các tiêu chuẩn hệ thống quản lý của ISO, được đưa ra trong Phụ lục SL của ISO bổ sung cho các Chỉ thị ISO / IEC, Phần 1.

3.24 thông tin dạng văn bản

Thông tin và phương tiện chứa đựng nó đòi hỏi tổ chức (3.1) kiểm soát và duy trì.

CHÚ THÍCH 1: Thông tin dạng văn bản có thể ở bất kỳ định dạng và phương tiện truyền đạt, và xuất phát từ bất kỳ nguồn nào.

CHÚ THÍCH 2: Thông tin dạng văn bản có thể đề cập tới:

- a) Hệ thống quản lý (3.10), bao gồm cả các quá trình (3.25) liên quan;
- b) thông tin do tổ chức tạo lập để thực hiện (có thể coi là các tài liệu)
- c) Bằng chứng về các kết quả đạt được (có thể coi là các hồ sơ).

Chú thích 3: Đây là một trong những thuật ngữ chung và định nghĩa chính của các tiêu chuẩn hệ thống quản lý của ISO, được đưa ra trong Phụ lục SL của ISO bổ sung cho các Chỉ thị ISO / IEC, Phần 1.

3.25 quá trình

Tập hợp các hoạt động có liên quan hoặc tương tác với nhau biến đổi các đầu vào thành các đầu ra.

Chú thích 1: Đây là một trong những thuật ngữ chung và định nghĩa chính của các tiêu chuẩn hệ thống quản lý của ISO, được đưa ra trong Phụ lục SL của ISO bổ sung cho các Chỉ thị ISO / IEC, Phần 1.

3.26 Thủ tục

cách thức xác định để thực hiện một hoạt động hoặc quá trình (3.25)

Chú thích 1: Thủ tục có thể được lập thành văn bản hoặc không.

3.27 performance

measurable result

Note 1 to entry: Performance can relate either to quantitative or qualitative findings. Results can be determined and evaluated by qualitative or quantitative methods.

Note 2 to entry: Performance can relate to the management of activities, processes (3.25), products (including services), systems or organizations (3.1).

Note 3 to entry: This constitutes one of the common terms and core definitions for ISO management system standards given in Annex SL of the Consolidated ISO Supplement to the ISO/IEC Directives, Part 1. Note 1 to entry has been modified to clarify the types of methods that may be used for determining and evaluating results.

3.28 occupational health and safety performance**OH&S performance**

performance (3.25) related to the effectiveness (3.13) of the prevention of injury and ill health (3.18) to workers (3.3) and the provision of safe and healthy workplace(s) (3.6)

3.29 outsource (verb)

make an arrangement where an external organization (3.1) performs part of an organization's function or process (3.25)

Note 1 to entry: An external organization is outside the scope of the management system (3.10), although the outsourced function or process is within the scope.

Note 2 to entry: This constitutes one of the common terms and core definitions for ISO management system standards given in Annex SL of the Consolidated ISO Supplement to the ISO/IEC Directives, Part 1.

3.27 Kết quả hoạt động

Kết quả có thể đo được.

Chú thích 1: Kết quả hoạt động có thể liên quan đến các phát hiện định lượng hoặc định tính. Kết quả có thể được xác định và đánh giá bằng các phương pháp định tính hoặc định lượng.

Chú thích 2: Kết quả hoạt động có thể liên quan đến việc quản lý các hoạt động, các quá trình (3.25), các sản phẩm (kể cả dịch vụ), các hệ thống hoặc các tổ chức (3.1).

Chú thích 3: Đây là một trong những thuật ngữ chung và định nghĩa chính của các tiêu chuẩn hệ thống quản lý của ISO, được đưa ra trong Phụ lục SL của ISO bổ sung cho các Chỉ thị ISO / IEC, Phần 1. Chú thích 1 được sửa đổi để làm rõ các phương pháp có thể được sử dụng để xác định và đánh giá kết quả.

3.28 Kết quả hoạt động an toàn và sức khỏe nghề nghiệp**Kết quả hoạt động OH&S**

kết quả hoạt động (3.25) liên quan đến hiệu lực (3.13) của việc ngăn ngừa chấn thương và bệnh tật (3.18) đối với người lao động (3.3) và cung cấp nơi làm việc an toàn và lành mạnh (3.6)

3.29 thuê ngoài (động từ)

Sắp xếp để tổ chức (3.1) bên ngoài thực hiện một phần chức năng hoặc quá trình (3.25) của tổ chức.

CHÚ THÍCH 1: Tổ chức bên ngoài không thuộc phạm vi của hệ thống quản lý (3.10), mặc dù chức năng hoặc quá trình được thuê ngoài nằm trong phạm vi của hệ thống.

Chú thích 2: Đây là một trong những thuật ngữ chung và định nghĩa chính của các tiêu chuẩn hệ thống quản lý của ISO, được đưa ra trong Phụ lục SL của ISO bổ sung cho các Chỉ thị ISO / IEC, Phần 1.

3.30 monitoring

determining the status of a system, a process (3.25) or an activity

Note 1 to entry: To determine the status, there may be a need to check, supervise or critically observe.

Note 2 to entry: This constitutes one of the common terms and core definitions for ISO management system standards given in Annex SL of the Consolidated ISO Supplement to the ISO/IEC Directives, Part 1.

3.31 measurement

process (3.25) to determine a value

Note 1 to entry: This constitutes one of the common terms and core definitions for ISO management system standards given in Annex SL of the Consolidated ISO Supplement to the ISO/IEC Directives, Part 1.

3.32 audit

systematic, independent and documented process (3.25) for obtaining audit evidence and evaluating it objectively to determine the extent to which the audit criteria are fulfilled

Note 1 to entry: An audit can be an internal audit (first party) or an external audit (second party or third party), and it can be a combined audit (combining two or more disciplines).

Note 2 to entry: An internal audit is conducted by the organization (3.1) itself, or by an external party on its behalf.

Note 3 to entry: "Audit evidence" and "audit criteria" are defined in ISO 19011.

Note 4 to entry: This constitutes one of the common terms and core definitions for ISO management system standards given in Annex SL of the Consolidated ISO Supplement to the ISO/IEC Directives, Part 1.

3.33 conformity

fulfilment of a requirement (3.8)

3.30 theo dõi

Xác định tình trạng của một hệ thống, một quá trình (3.25) hoặc một hoạt động.

Chú thích 1: Để xác định tình trạng, đôi khi cần phải kiểm tra, giám sát hoặc quan trắc chặt chẽ.

Chú thích 2: Đây là một trong những thuật ngữ chung và định nghĩa chính của các tiêu chuẩn hệ thống quản lý của ISO, được đưa ra trong Phụ lục SL của ISO bổ sung cho các Chỉ thị ISO / IEC, Phần 1.

3.31 đo lường

Quá trình (3.25) xác định một giá trị.

Chú thích 1: Đây là một trong những thuật ngữ chung và định nghĩa chính của các tiêu chuẩn hệ thống quản lý của ISO, được đưa ra trong Phụ lục SL của ISO bổ sung cho các Chỉ thị ISO / IEC, Phần 1.

3.32 đánh giá

Quá trình (3.25) có hệ thống, độc lập và được lập thành văn bản để thu được bằng chứng đánh giá và xem xét đánh giá chúng một cách khách quan để xác định mức độ thực hiện các chuẩn mực đánh giá.

Chú thích 1: Một cuộc đánh giá có thể là đánh giá nội bộ (bên thứ nhất) hay đánh giá bên ngoài (bên thứ hai hay thứ 3), và có thể là đánh giá kết hợp (cùng lúc đánh giá hai hay nhiều lĩnh vực).

Chú thích 2: Tổ chức (3.1.4) tự thực hiện cuộc đánh giá, hoặc thuê bên ngoài thực hiện.

Chú thích 3: "Bằng chứng đánh giá" và "chuẩn mực đánh giá" được định nghĩa trong ISO 19011.

Chú thích 4: Đây là một trong những thuật ngữ chung và định nghĩa chính của các tiêu chuẩn hệ thống quản lý của ISO, được đưa ra trong Phụ lục SL của ISO bổ sung cho các Chỉ thị ISO / IEC, Phần 1.

3.33 Sự phù hợp

Sự đáp ứng một yêu cầu (3.8)

Note 1 to entry: This constitutes one of the common terms and core definitions for ISO management system standards given in Annex SL of the Consolidated ISO Supplement to the ISO/IEC Directives, Part 1.

3.34 nonconformity

non-fulfilment of a requirement (3.8)

Note 1 to entry: Nonconformity relates to requirements in this document and additional OH&S management system (3.11) requirements that an organization (3.1) establishes for itself.

Note 2 to entry: This constitutes one of the common terms and core definitions for ISO management system standards given in Annex SL of the Consolidated ISO Supplement to the ISO/IEC Directives, Part 1. Note 1 to entry has been added to clarify the relationship of nonconformities to the requirements of this document and to the organization's own requirements for its OH&S management system.

3.35 incident

occurrence arising out of or in the course of work that could or does result in injury and ill health (3.18)

Note 1 to entry: An incident where injury and ill health occurs is referred to by some as an "accident."

Note 2 to entry: An incident where no injury and ill health occurs but has the potential to do so may be referred to as a "near-miss", "near-hit", "close call".

Note 3 to entry: Although there can be one or more nonconformities (3.34) related to an incident, an incident can also occur where there is no nonconformity.

3.36 corrective action

action to eliminate the cause(s) of a nonconformity (3.34) or an incident (3.35) and to prevent recurrence

Note 1 to entry: This constitutes one of the common terms and core definitions for ISO

Chú thích 1: Đây là một trong những thuật ngữ chung và định nghĩa chính của các tiêu chuẩn hệ thống quản lý của ISO, được đưa ra trong Phụ lục SL của ISO bổ sung cho các Chỉ thị ISO / IEC, Phần 1.

3.34 sự không phù hợp

Sự không đáp ứng một yêu cầu (3.8)

Chú thích 1: Sự không phù hợp liên quan đến các yêu cầu của tiêu chuẩn này và các yêu cầu của hệ thống quản OH&S (3.11) do một tổ chức (3.1) thiết lập cho chính mình.

Chú thích 2: Đây là một trong những thuật ngữ chung và định nghĩa chính của các tiêu chuẩn hệ thống quản lý của ISO, được đưa ra trong Phụ lục SL của ISO bổ sung cho các Chỉ thị ISO / IEC, Phần 1. Chú thích 1: được thêm vào để làm rõ mối quan hệ của sự không phù hợp với yêu cầu của tài liệu này và các yêu cầu của tổ chức đối với hệ thống quản lý OH&S.

3.35 Sự cố

sự việc phát sinh từ hoặc trong quá trình làm việc có thể hay gây ra chấn thương và bệnh tật (3.18)

Chú thích 1: Một sự cố khi mà có chấn thương và bệnh tật xảy ra được gọi là "tai nạn".

Chú thích 2: Một sự cố đã không có chấn thương và bệnh tật xảy ra nhưng có tiềm năng xảy ra có thể được gọi là "near-miss", "near-hit", "close call" (xém chết, hú hồn, xém đi tong)

Chú thích 3: Mặc dù có thể có một hoặc nhiều sự không phù hợp (3.34) liên quan đến một sự cố, một sự cố cũng có thể xảy ra mà không hề có sự không phù hợp.

3.36 hành động khắc phục

Hành động loại bỏ nguyên nhân của sự không phù hợp (3.34) hay sự cố và nhằm ngăn ngừa sự tái diễn.

Chú thích 1: Đây là một trong những thuật ngữ chung và định nghĩa chính của các tiêu chuẩn hệ

management system standards given in Annex SL of the Consolidated ISO Supplement to the ISO/IEC Directives, Part 1. The term has been modified to include reference to “incident”, as incidents are a key factor in occupational health and safety, yet the activities needed for resolving them are the same as for nonconformities, through corrective action.

3.37 continual improvement

recurring activity to enhance performance (3.27)

Note 1 to entry: Enhancing performance relates to the use of the OH&S management system (3.11) in order to achieve improvement in overall OH&S performance (3.26) consistent with the OH&S policy (3.15) and OH&S objectives (3.17).

Note 2 to entry: Continual does not mean continuous so the activity does not need to take place in all areas simultaneously.

Note 3 to entry: This constitutes one of the common terms and core definitions for ISO management system standards given in Annex SL of the Consolidated ISO Supplement to the ISO/IEC Directives, Part 1. Notes 1 and 2 to entry have been added: Note 1 to clarify the meaning of “performance” in the context of an OH&S management system; and Note 2 to clarify the meaning of “continual”.

4 Context of the organization

4.1 Understanding the organization and its context

The organization shall determine external and internal issues that are relevant to its purpose and that affect its ability to achieve the intended outcome(s) of its OH&S management system.

4.2 Understanding the needs and expectations of workers and other interested parties

The organization shall determine:

thống quản lý của ISO, được đưa ra trong Phụ lục SL của ISO bổ sung cho các Chỉ thị ISO / IEC, Phần 1. Thuật ngữ này đã được sửa đổi để đề cập đến “sự cố”, vì sự cố là yếu tố chủ chốt trong an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, cũng cần có các hoạt động cần thiết để giải quyết sự cố giống như đối với sự không phù hợp thông qua hành động khắc phục.

3.37 Cải tiến thường xuyên

Hoạt động lặp lại để nâng cao kết quả hoạt động (3.27)

Chú thích 1 : Nâng cao kết quả hoạt động liên quan đến việc sử dụng hệ thống quản lý OH&S (3.11) nhằm nâng cao kết quả hoạt động OH&S tổng thể (3.26) nhất quán với chính sách môi trường (3.15) và các mục tiêu OH&S (3.17)

Chú thích 2: Thường xuyên không có nghĩa là liên tục nên hoạt động này không cần phải diễn ra đồng thời ở tất cả các khu vực.

Chú thích 2: Đây là một trong những thuật ngữ chung và định nghĩa chính của các tiêu chuẩn hệ thống quản lý của ISO, được đưa ra trong Phụ lục SL của ISO bổ sung cho các Chỉ thị ISO / IEC, Phần 1. Chú thích 1 và 2 đã được thêm vào: Chú thích 1 làm rõ ý nghĩa của “kết quả hoạt động” trong bối cảnh hệ thống quản lý OH&S; và Chú thích 2 làm rõ ý nghĩa của “sự thường xuyên”.

4 Bối cảnh của tổ chức

4.1 Hiểu về bối cảnh của tổ chức

Tổ chức phải xác định các vấn đề bên ngoài và nội bộ có liên quan đến mục đích của mình và có ảnh hưởng đến khả năng đạt được (các) kết quả dự định của hệ thống quản lý OH&S của tổ chức.

4.2 Hiểu về nhu cầu và mong đợi của người lao động và bên quan tâm khác

Tổ chức phải xác định:

- a) the other interested parties, in addition to its workers, that are relevant to the OH&S management system;
- b) the relevant needs and expectation (i.e requirements) of worker and these other interested parties;
- c) which of these needs and expectations become applicable legal requirements and other requirements.

4.3 Determining the scope of the OH&S management system

The organization shall determine the boundaries and applicability of the OH&S management system to establish its scope.

When determining this scope, the organization shall :

- a) consider the external and internal issues referred to in 4.1;
- b) take into account the requirements referred to in 4.2;
- c) take into account the plan or performed related activities.

The OH&S management system shall include activities, products and services within the organization's control or influence that can impact the organization's OH&S performance.

The scope shall be available as documented information.

4.4 OH&S management system

The organization shall establish, implement, maintain and continually improve an OH&S management system, including the processes needed and their interactions, in accordance with the requirements of this document.

5 Leadership and worker participation

5.1 Leadership and commitment

- a) các bên quan tâm khác, ngoài người lao động của tổ chức, có liên quan đến hệ thống quản lý OH&S;
- b) các nhu cầu và mong đợi có liên quan (nghĩa là các yêu cầu) của người lao động và các bên quan tâm khác;
- c) các nhu cầu và mong đợi nào trở thành yêu cầu pháp lý và các yêu cầu khác phải tuân thủ.

4.3 Xác định phạm vi của hệ thống quản lý OH&S

Tổ chức phải xác định các ranh giới và khả năng áp dụng của hệ thống quản lý OH&S để thiết lập phạm vi của hệ thống đó.

Khi xác định phạm vi này, tổ chức phải:

- a) cân nhắc các vấn đề bên ngoài và nội bộ được đề cập trong phần 4.1;
- b) tính đến các yêu cầu được đề cập tại 4.2;
- c) tính đến các hoạt động đã được hoạch định hay thực hiện liên quan đến công việc.

Hệ thống quản lý OH&S phải bao gồm các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ trong phạm vi kiểm soát hoặc ảnh hưởng của tổ chức có thể tác động đến kết quả hoạt động OH&S của tổ chức.

Phạm vi phải được duy trì như thông tin dạng văn bản.

4.4 Hệ thống quản lý OH&S

Tổ chức phải thiết lập, thực hiện, duy trì và cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý OH&S, bao gồm cả các quá trình cần thiết và sự tương tác của chúng, phù hợp với các yêu cầu của Tiêu chuẩn này.

5 Sự lãnh đạo và sự tham gia của người lao động

5.1 Sự lãnh đạo và cam kết

Top management shall demonstrate leadership and commitment with respect to the OH&S management system by:

Lãnh đạo cao nhất phải chứng tỏ sự lãnh đạo và cam kết đối với hệ thống quản lý OH&S bằng cách:

- | | |
|--|--|
| a) taking overall responsibility and accountability for the prevention of work-related injury and ill health as well as the provision of safe and healthy workplaces and activities; | a) chịu trách nhiệm chung và trách nhiệm giải trình về việc ngăn ngừa chấn thương và bệnh tật trong công việc, cũng như về việc cung cấp nơi làm việc và các hoạt động an toàn và lành mạnh; |
| b) ensuring that the OH&S policy and related OH&S objectives are established and are compatible with the strategic direction of the organization; | b) đảm bảo rằng chính sách OH&S và các mục tiêu OH&S được thiết lập và tương thích với định hướng chiến lược của tổ chức; |
| c) ensuring the integration of the OH&S management system requirements into the organization's business processes; | c) đảm bảo sự tích hợp các yêu cầu của hệ thống quản lý OH&S vào các quá trình hoạt động chủ chốt của tổ chức; |
| d) ensuring that the resources needed to establish, implement, maintain and improve the OH&S management system are available; | d) đảm bảo tính sẵn có các nguồn lực cần thiết để thiết lập, thực hiện, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý OH&S; |
| e) communicating the importance of effective OH&S management and of conforming to the OH&S management system requirements; | e) trao đổi thông tin về tầm quan trọng của quản lý OH&S hiệu lực và phù hợp với các yêu cầu của hệ thống quản lý OH&S; |
| f) ensuring that the OH&S management system achieves its intended outcome(s); | f) đảm bảo hệ thống quản lý OH&S đạt được (các) kết quả dự kiến; |
| g) directing and supporting persons to contribute to the effectiveness of the OH&S management system | g) định hướng và hỗ trợ mọi người đóng góp vào tính hiệu lực của hệ thống quản lý OH&S; |
| h) ensuring and promoting continual improvement | h) đảm bảo và thúc đẩy cải tiến thường xuyên; |
| i) supporting other relevant management roles to demonstrate their leadership as it applies to their areas of responsibility; | i) hỗ trợ các vai trò quản lý liên quan khác để thể hiện sự lãnh đạo của họ đúng như nó đã được nêu đối với các khu vực thuộc trách nhiệm của họ; |
| j) developing, leading and promoting a culture in the organization that supports the intended outcomes of the OH&S management system. | j) Xây dựng, chỉ đạo và thúc đẩy văn hóa trong tổ chức nhằm hỗ trợ cho việc đạt được các kết quả dự kiến của hệ thống quản lý OH&S; |
| k) protecting workers from reprisals when reporting incidents, hazards, risks and opportunities; | k) bảo vệ người lao động khỏi bị trả thù khi báo cáo các sự cố, mối nguy, rủi ro và cơ hội; |

- l) ensuring the organization establishes and implements a process(es) for consultation and participation of workers (see 5.4);
- m) supporting the establishment and functioning of health and safety committees, [see 5.4 e) 1)].

NOTE Reference to “business” in this document can be interpreted broadly to mean those activities that are core to the purposes of the organization’s existence.

5.2 OH&S policy

Top management shall establish, implement and maintain an OH&S policy that:

- a) includes a commitment to provide safe and healthy working conditions for the prevention of work-related injury and ill health and is appropriate to the purpose, the size and context of the organization and to the specific nature of its OH&S risks and OH&S opportunities
- b) provides a framework for setting the OH&S objectives;
- c) includes a commitment to fulfil legal requirements and other requirements;
- d) includes a commitment to eliminate hazards and reduce OH&S risks (see 8.1.2);
- e) includes a commitment to continual improvement of the OH&S management system
- f) includes a commitment to consultation and participation of workers’, and where they exist, workers’ representatives

The OH&S policy shall:

- be available as documented information;
- be communicated within the organization;
- be available to interested parties, as

- l) đảm bảo tổ chức thiết lập và thực hiện quá trình tham vấn và tham gia của người lao động (xem 5.4);

- m) hỗ trợ việc thành lập và hoạt động của các ủy ban an toàn và sức khỏe, [xem 5.4 e) 1)].

CHÚ THÍCH Liên quan đến thuật ngữ ‘kinh doanh’ trong Tiêu chuẩn này có thể được hiểu một cách rộng rãi để chỉ những hoạt động cốt lõi cho các mục đích vì sự tồn tại của tổ chức.

5.2 Chính sách OH&S

Lãnh đạo cao nhất phải thiết lập, thực hiện và duy trì chính sách OH&S mà chính sách đó:

- a) bao gồm cam kết cung cấp các điều kiện làm việc an toàn và lành mạnh nhằm ngăn ngừa chấn thương và bệnh tật liên quan đến công việc và thích hợp với mục đích, quy mô và bối cảnh của tổ chức cũng như bản chất cụ thể của các rủi ro và cơ hội OH&S.
- b) cung cấp khuôn khổ thiết lập các mục tiêu OH&S;
- c) bao gồm cam kết đáp ứng các yêu cầu pháp lý liên quan và các yêu cầu khác;
- d) bao gồm cam kết loại bỏ mối nguy và giảm thiểu rủi ro OH&S (xem mục 8.1.2);
- e) bao gồm cam kết cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý OH&S;
- f) bao gồm cam kết đối với sự tham gia và tham vấn của người lao động, và, của đại diện người lao động, nếu có;

Chính sách OH&S phải:

- có sẵn dưới dạng thông tin dạng văn bản;
- được trao đổi thông tin rong tổ chức;
- có sẵn cho các bên quan tâm có liên quan;

appropriate;

- be relevant and appropriate.

5.3 Organizational roles, responsibilities and authorities

Top management shall ensure that the responsibilities, accountabilities and authorities for relevant roles within the OH&S management system are assigned and communicated at all levels within the organization and maintained as documented information. Workers at each level of the organization shall assume responsibility for those aspects of OH&S management system over which they have control.

NOTE While responsibility and authority can be assigned, ultimately top management is still accountable for the functioning of the OH&S management system.

Top management shall assign the responsibility and authority for:

- ensuring that the OH&S management system conforms to the requirements of this document;
- reporting on the performance of the OH&S management system to top management.

5.4 Consultation and participation of workers

The organization shall, establish, implement and maintain process(es) for consultation and participation of workers at all applicable levels and functions, and, where they exist, workers' representatives, in the development, planning, implementation, performance evaluation and actions for improvement of the OH&S management system.

The organization shall:

- provide mechanisms, time, training and resources necessary for consultation and participation;

- Có liên quan và thích hợp.

5.3 Vai trò, trách nhiệm, và quyền hạn của tổ chức

Lãnh đạo cao nhất phải đảm bảo rằng các trách nhiệm, trách nhiệm giải trình và quyền hạn đối với các vị trí liên quan trong hệ thống quản lý OH&S được phân công và trao đổi thông tin ở tất cả các cấp trong tổ chức cũng như được duy trì dưới dạng thông tin dạng văn bản. Người lao động ở từng cấp độ của tổ chức phải chịu trách nhiệm đối với các khía cạnh của hệ thống quản lý OH&S mà họ kiểm soát.

Chú thích: Trong khi có thể ủy quyền trách nhiệm và quyền hạn, lãnh đạo cao nhất vẫn phải chịu trách nhiệm giải trình về vận hành của hệ thống quản lý OH&S.

Lãnh đạo cao nhất phải phân công trách nhiệm và quyền hạn để:

- đảm bảo hệ thống quản lý OH&S phù hợp với các yêu cầu của Tiêu chuẩn này;
- báo cáo lãnh đạo cao nhất về kết quả hoạt động của hệ thống quản lý OH&S.

5.4 Sự tham gia và tham vấn của người lao động

Tổ chức phải thiết lập, thực hiện và duy trì các quá trình cho sự tham vấn và tham gia của người lao động ở tất cả các cấp bậc và chức năng cần thiết và, cả sự tham gia của đại diện người lao động, nếu có, trong việc phát triển, hoạch định, thực hiện, đánh giá kết quả hoạt động và các hành động để cải tiến hệ thống quản lý OH&S.

Tổ chức phải:

- đưa ra cơ chế, thời gian, đào tạo và nguồn lực cần thiết cho sự tham vấn & tham gia;

NOTE 1 Worker representation can be a mechanism for consultation and participation.

- b) provide timely access to clear, understandable and relevant information about the OH&S management system;
- c) identify and remove obstacles or barriers to participation and minimize those that cannot be removed;

NOTE 2 Obstacles and barriers can include failure to respond to worker inputs or suggestions, language or literacy barriers, reprisals or threats of reprisals and policies or practices that discourage or penalize worker participation.

Chú thích 1 Đại diện người lao động có thể là cơ chế cho sự tham vấn và tham gia.

- b) cung cấp việc tiếp cận kịp thời với thông tin rõ ràng, dễ hiểu và có liên quan về hệ thống quản lý OH&S
- c) xác định và loại bỏ các trở ngại và rào cản đối với sự tham gia và giảm thiểu các trở ngại không loại bỏ được;

Chú thích 2: Những trở ngại và rào cản có thể bao gồm việc không đáp ứng với đầu vào hoặc đề xuất từ phía người lao động, rào cản ngôn ngữ hoặc chữ viết, sự trả thù hoặc đe dọa trả thù và các chính sách hay thực hành không khuyến khích hoặc trừng phạt sự tham gia của người lao động.

- d) emphasize the consultation of non-managerial workers on the following:

1. determining the needs and expectations of interested parties (see 4.2);
2. establishing the OH&S policy (see 5.2);
3. assigning organizational roles, responsibilities and authorities as applicable (see 5.3);
4. determining how to fulfil legal requirements and other requirements (see 6.1.3);
5. establishing OH&S objectives and planning to achieve them (see 6.2);
6. determining applicable controls for outsourcing, procurement and contractors (see 8.1.4);
7. determining what needs to be monitored, measured and evaluated (see 9.1);
8. planning, establishing, implementing and maintaining an audit programme(s) (see 9.2.2);
9. ensuring continual improvement (see 10.3);
- e) emphasize the participation of non-managerial workers in the following:

- d) chú trọng vào sự tham vấn với người lao động không thuộc cấp quản lý về các vấn đề sau:

1. xác định nhu cầu và mong đợi của các bên quan tâm (xem 4.2);
2. xây dựng chính sách OH&S (xem 5.2);
3. phân công vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức như cần thiết (xem 5.3);
4. xác định làm thế nào để thực hiện các yêu cầu pháp lý và các yêu cầu khác (xem 6.1.3);
5. thiết lập các mục tiêu của OH&S và hoạch định để đạt được (xem 6.2);
6. xác định các biện pháp kiểm soát phù hợp đối với việc thuê ngoài, mua sắm và nhà thầu (xem 8.1.4);
7. xác định những gì cần phải được giám sát, đo lường và đánh giá (xem 9.1);
8. hoạch định, thiết lập, thực hiện và duy trì chương trình đánh giá (xem phần 9.2.2);
9. đảm bảo cải tiến thường xuyên (see 10.3);
- e) chú trọng vào sự tham gia của người lao động- không thuộc cấp quản lý cho các vấn đề sau:

1. determining the mechanisms for their consultation and participation;
2. identifying hazards and assessing risks and opportunities (see 6.1.1, and 6.1.2);
3. determining actions to eliminate hazards and reduce OH&S risks (see 6.1.4);
4. determining competence requirements, training needs, training and evaluating training (see 7.2);
5. determining what needs to be communicated and how this will be done (see 7.4);
6. determining control measures and their effective implementation and use (see 8.1, 8.1.3, and 8.2);
7. investigating incidents and nonconformities and determining corrective actions (see 10.2).

NOTE 3 Emphasizing the consultation and participation of non-managerial workers is intended to apply to persons carrying out the work activities, but is not intended to exclude, for example, managers who are impacted by work activities or other factors in the organization.

NOTE 4 It is recognized that the provision of training at no cost to workers and the provision of training during working hours, where possible, can remove significant barriers to worker participation.

6 Planning

6.1 Actions to address risks and opportunities

6.1.1 General

When planning for the OH&S management system, the organization shall consider the issues referred to in 4.1 (context), the requirements referred to in 4.2 (interested parties) and 4.3 (the scope of its OH&S management system) and determine the risks and opportunities that need to be addressed to:

1. xác định cơ chế đối với sự tham vấn và tham gia của họ;
2. xác định các mối nguy và đánh giá các rủi ro và cơ hội (xem 6.1.1 và 6.1.2);
3. xác định hành động để loại bỏ mối nguy và giảm thiểu rủi ro về OH&S (xem 6.1.4);
4. xác định yêu cầu về năng lực, nhu cầu đào tạo, đào tạo và đánh giá đào tạo (xem 7.2);
5. xác định những gì cần phải được trao đổi thông tin và cách thức sẽ được thực hiện (xem 7.4);
6. xác định các biện pháp kiểm soát và việc thực hiện và sử dụng một cách có hiệu lực (xem 8.1, 8.1.3 và 8.2);
7. điều tra sự cố và sự không phù hợp và xác định hành động khắc phục (xem 10.2).

CHÚ THÍCH 3 Chú trọng việc tham vấn và tham gia của người lao động không thuộc cấp quản lý để áp dụng cho những người trực tiếp thực hiện các hoạt động liên quan đến công việc, nhưng không loại trừ những người quản lý bị ảnh hưởng bởi hoạt động liên quan đến công việc hoặc các yếu tố khác trong tổ chức.

CHÚ THÍCH 4 Người ta thừa nhận rằng việc đào tạo miễn phí cho người lao động và đào tạo trong giờ làm việc, nếu có thể, có thể loại bỏ những rào cản đáng kể đối với sự tham gia của người lao động.

6 Hoạch định

6.1 Hành động giải quyết rủi ro và cơ hội

6.1.1 Khái quát

Khi hoạch định hệ thống quản lý OH&S, tổ chức phải cân nhắc đến các vấn đề được nêu trong 4.1 (bối cảnh), các yêu cầu được nêu trong 4.2 (các bên quan tâm) và 4.3 (phạm vi của hệ thống quản lý OH&S) và xác định các rủi ro và cơ hội cần được giải quyết để:

- a) give assurance that the OH&S management system can achieve its intended outcome(s);
- b) prevent, or reduce, undesired effects;
- c) achieve continual improvement.

- a) đảm bảo rằng hệ thống quản lý OH&S có thể đạt được (các) kết quả dự kiến;
- b) ngăn ngừa hoặc giảm thiểu các tác động không mong muốn;
- c) đạt được sự cải tiến thường xuyên;

When determining the risks and opportunities to the OH&S management system and its intended outcomes that need to be addressed, the organization shall take into account:

Khi xác định các rủi ro và cơ hội cho hệ thống quản lý OH&S và những kết quả dự kiến cần được giải quyết, tổ chức phải tính đến:

- hazards (see 6.1.2.1)
- OH&S risks and other risks (see 6.1.2.2);
- OH&S opportunities and other opportunities (see 6.1.2.3);
- legal requirements and other requirements (see 6.1.3).

- các mối nguy (xem 6.1.2.1)
- rủi ro OH&S và các rủi ro khác (xem 6.1.2.2);
- Các cơ hội OH&S và các cơ hội khác (xem 6.1.2.3);
- Các cơ hội của OH&S và các cơ hội khác (xem 6.1.3);

The organization, in its planning process(es), shall determine and assess the risks and opportunities that are relevant to the intended outcomes of the OH&S management system associated with changes in the organization, its processes or the OH&S management system. In the case of planned changes, permanent or temporary, this assessment shall be undertaken before the change is implemented (see 8.1.3).

Tổ chức, trong (các) quá trình hoạch định của mình, phải xác định và đánh giá các rủi ro & cơ hội liên quan đến các kết quả dự kiến của hệ thống OH&S đi kèm với các thay đổi trong tổ chức, các quá trình hay hệ thống quản lý OH&S. Trong trường hợp có sự thay đổi được hoạch định, vĩnh viễn hay tạm thời, việc đánh giá này phải được thực hiện trước khi thực hiện (xem 8.1.3)

The organization shall maintain documented information on:

Tổ chức phải duy trì thông tin dạng văn bản về:

- risks and opportunities
- processes and actions needed to determine and address risks and opportunities (see 6.1.2 to 6.1.4) to the extent necessary to have confidence they are carried out as planned.

- các rủi ro và cơ hội
- các quá trình và hành động cần thiết để giải quyết các rủi ro và cơ hội (xem 6.1.2 đến 6.1.4) ở mức độ hợp lý để có sự tin cậy rằng chúng được thực hiện như đã hoạch định.

6.1.2 Hazard identification and assessment of risks & opportunities

6.1.2 Nhận biết mối nguy và đánh giá rủi ro và cơ hội

6.1.2.1 Hazard identification

6.1.2.1 Nhận biết mối nguy

The organization shall establish, implement and

Tổ chức phải thiết lập, thực hiện và duy trì quá trình

maintain a process(es) for hazard identification that is ongoing and proactive. The process(es) shall take into account but not be limited to:

- a) how work is organized, social factors (including workload, work hours, victimization, harassment and bullying), leadership and the culture in the organization;
- b) routine and non-routine activities and situations, including hazards arising from:
 1. infrastructure, equipment, materials, substances and the physical conditions of the workplace;
 2. product and service design, research, development, testing, production, assembly, construction, service delivery, maintenance and disposal;
 3. human factors;
 4. how the work is performed;
- c) past relevant incidents, internal or external to the organization, including emergencies, and their causes;
- d) potential emergency situations;
- e) people, including consideration of:
 1. those with access to the workplace and their activities, including workers, contractors, visitors and other persons;
 2. those in the vicinity of the workplace who can be affected by the activities of the organization;
 3. workers at a location not under the direct control of the organization;
- f) other issues, including consideration of:
 1. the design of work areas, processes, installations, machinery/equipment, operating procedures and work organization, including their adaptation to the needs and capabilities of the workers involved;

để nhận biết một cách chủ động và liên tục các mối nguy. Quá trình này phải tính đến nhưng không giới hạn ở các vấn đề sau:

- a) cách thức công việc được tổ chức, các yếu tố xã hội (bao gồm cả khối lượng công việc, giờ làm việc, trù dập, quấy rối và bắt nạt), sự lãnh đạo và văn hoá trong tổ chức;
- b) các hoạt động và tình huống thường xuyên và không thường xuyên, bao gồm các mối nguy phát sinh từ:
 1. cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, vật tư, các chất và các điều kiện vật lý của nơi làm việc;
 2. thiết kế sản phẩm và dịch vụ, nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, sản xuất, lắp ráp, xây dựng, cung cấp dịch vụ, bảo trì và thải bỏ;
 3. các yếu tố liên quan đến con người;
 4. cách thức công việc được thực hiện;
- c) các sự cố có liên quan đã xảy ra bên trong hoặc bên ngoài tổ chức, bao gồm cả các tình huống khẩn cấp, và nguyên nhân của chúng;
- d) các tình huống khẩn cấp tiềm ẩn;
- e) con người, bao gồm các cân nhắc về:
 1. những người tiếp cận tới nơi làm việc và các hoạt động của họ, bao gồm cả người lao động, nhà thầu, du khách và những người khác;
 2. những người trong vùng lân cận với nơi làm việc có thể bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của tổ chức;
 3. người lao động tại địa điểm không nằm trong sự kiểm soát trực tiếp của tổ chức;
- f) các vấn đề khác, bao gồm cả việc cân nhắc tới:
 1. việc thiết kế các khu vực làm việc, các quá trình, việc lắp đặt, các máy móc/thiết bị, các thủ tục vận hành và sắp xếp tổ chức công việc, bao gồm cả việc làm cho chúng thích ứng với nhu cầu và năng lực của người lao

- 2. situations occurring in the vicinity of the workplace caused by work-related activities under the control of the organization;
- 3. situations not controlled by the organization and occurring in the vicinity of the workplace that can cause work-related injury and ill health to persons in the workplace;
- g) actual or proposed changes in the organization, operations, processes, activities and OH&S management system (see 8.1.3);
- h) changes in knowledge of, and information about, hazards;

6.1.2.2 Assessment of OH&S risks and other risks to the OH&S management system

The organization shall establish, implement and maintain a process (es) to:

- a) assess OH&S risks from the identified hazards, while taking into account the effectiveness of existing controls;
- b) determine and assess the other risks related to the establishment, implementation, operation and maintenance of the OH&S management system.

The organization's methodology(ies) and criteria for assessment of OH&S risks shall be defined with respect to scope, nature and timing, to ensure it is proactive rather than reactive and used in a systematic way. Documented information shall be maintained and retained on the methodology(ies) and criteria.

6.1.2.3 Assessment of OH&S opportunities and other opportunities to the OH&S management system

The organization shall establish, implement and maintain processes to assess:

- a) OH&S opportunities to enhance OH&S

động;

- 2. các tình huống xảy ra trong vùng lân cận với nơi làm việc do các hoạt động liên quan đến công việc dưới sự kiểm soát của tổ chức;
- 3. các tình huống không được tổ chức kiểm soát và diễn ra ở các vùng lân cận của nơi làm việc có thể gây ra chấn thương và bệnh tật liên quan đến công việc cho những người tại nơi làm việc;
- g) các thay đổi thực tế hay dự kiến trong tổ chức, trong vận hành, quá trình, các hoạt động và hệ thống quản lý OH&S (xem mục 8.1.3);
- h) các thay đổi trong kiến thức và thông tin về các mối nguy.

6.1.2.2 Đánh giá rủi ro OH&S và rủi ro khác đối với hệ thống quản lý OH&S

Tổ chức phải thiết lập, thực hiện và duy trì một(các) quá trình để:

- a) đánh giá rủi ro OH&S từ các mối nguy đã được nhận biết, trong khi phải tính đến hiệu lực của các kiểm soát hiện có;
- b) xác định và đánh giá các rủi ro khác liên quan đến việc thiết lập, thực hiện, vận hành và duy trì hệ thống quản lý OH&S.

(Các) phương pháp và chuẩn mực đánh giá rủi ro OH&S của tổ chức phải được xác định tương thích với phạm vi, bản chất và thời gian, để đảm bảo phương pháp đánh giá mang tính chủ động hơn là phản ứng và được sử dụng một cách có hệ thống. Phải duy trì thông tin dạng văn bản về (các) phương pháp và chuẩn mực này.

6.1.2.3 Đánh giá cơ hội OH&S và các cơ hội khác cho hệ thống quản lý OH&S

Tổ chức phải thiết lập, thực hiện và duy trì một(các) quá trình để đánh giá:

- a) Các cơ hội OH&S để nâng cao kết quả hoạt

performance, while taking into account planned changes to the organization, its policies, processes or its activities and:

1. opportunities to adapt work, work organization and work environment to workers;
2. opportunities to eliminate and reduce OH&S risks;
- b) other opportunities for improving the OH&S management system.

NOTE OH&S risks and OH&S opportunities can result in other risks and other opportunities to the organization.

động OH&S, trong khi phải tính đến các thay đổi đã hoạch định đối với tổ chức, các chính sách, quá trình hoặc các hoạt động:

1. cơ hội để thích ứng với công việc, sắp xếp tổ chức công việc và môi trường làm việc cho người lao động;
2. các cơ hội loại bỏ và giảm thiểu rủi ro OH&S;
- b) các cơ hội khác để cải tiến hệ thống quản lý OH&S.

CHÚ THÍCH Các rủi ro OH&S và các cơ hội OH&S có thể dẫn đến các rủi ro và các cơ hội khác cho tổ chức.

6.1.3 Determination of applicable legal requirements and other requirements

- a) The organization shall establish, implement and maintain a process to:
- b) determine and have access to up-to-date legal requirements and other requirements that are applicable to its hazards, OH&S risks and OH&S management system;
- c) determine how these legal requirements and other requirements apply to the organization and what needs to be communicated;
- d) take these legal requirements and other requirements into account when establishing, implementing, maintaining and continually improving its OH&S management system.

The organization shall maintain and retain documented information on its applicable legal requirements and other requirements and shall ensure that it is updated to reflect any changes.

NOTE Legal requirements and other requirements can result in risks and opportunities to the organization.

6.1.4 Planning action

The organization shall plan:

6.1.3 Xác định các yêu cầu pháp lý và các yêu cầu khác

- a) Tổ chức phải thiết lập, thực hiện và duy trì một(các) quá trình để:
- b) xác định và tiếp cận để cập nhật các yêu cầu pháp lý và các yêu cầu khác liên quan đến các mối nguy và rủi ro OH&S và hệ thống quản lý OH&S;
- c) xác định cách thức thực hiện các yêu cầu pháp lý và các yêu cầu khác đối với tổ chức và những gì cần được trao đổi thông tin;
- d) có tính đến các yêu cầu pháp lý và các yêu cầu khác khi thiết lập, thực hiện, duy trì và cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý OH&S.

Tổ chức phải duy trì và lưu giữ thông tin dạng văn bản về các yêu cầu pháp lý và các yêu cầu khác và phải đảm bảo rằng chúng được cập nhật để phản ánh bất kỳ thay đổi nào.

CHÚ THÍCH Yêu cầu pháp lý và các yêu cầu khác có thể dẫn đến rủi ro và cơ hội đối với tổ chức.

6.1.4 Hoạch định thực hiện hành động

Tổ chức phải hoạch định:

a) actions to:

1. address these risks and opportunities (see 6.1.2.2 and 6.1.2.3);
2. address legal requirements and other requirements (see 6.1.3);
3. prepare for, and respond to, emergency situations (see 8.2);

b) how to

1. integrate and implement the actions into its OH&S management system processes or other business processes;
2. evaluate the effectiveness of these actions.

The organization shall take into account the hierarchy of controls (see 8.1.2) and outputs from the OH&S management system when planning to take action.

When planning its actions, the organization shall consider best practices, technological options, financial, operational and business requirements.

a) các hành động để:

1. giải quyết các rủi ro và cơ hội này (xem 6.1.2.2 và 6.1.2.3);
2. giải quyết các yêu cầu pháp lý và các yêu cầu khác (xem 6.1.3);
3. chuẩn bị và đáp ứng với các tình huống khẩn cấp (xem 8.2);

b) phương pháp để

1. tích hợp và thực hiện các hành động vào các quá trình của hệ thống quản lý OH&S hoặc các quá trình hoạt động chủ chốt khác;
2. đánh giá tính hiệu lực của các hành động này.

Tổ chức phải tính đến các cấp bậc kiểm soát (xem 8.1.2) và đầu ra từ hệ thống quản lý OH&S khi hoạch định các hành động.

Khi hoạch định các hành động, tổ chức phải cân nhắc tới các thực hành tốt nhất, các lựa chọn về công nghệ, các yêu cầu về tài chính, vận hành & hoạt động chủ chốt của mình.

6.2 OH&S objectives and planning to achieve them

6.2.1 OH&S objectives

The organization shall establish OH&S objectives at relevant functions and levels to maintain and continually improve the OH&S management system and OH&S performance (see 10.3).

The OH&S objectives shall:

- a) be consistent with the OH&S policy;
- b) be measurable (if practicable) or capable of performance evaluation;
- c) take into account:
 1. applicable requirements;
 2. the results of the assessment of risks

6.2 Mục tiêu OH&S và hoạch định đạt mục tiêu

6.2.1 Mục tiêu OH&S

Tổ chức phải thiết lập các mục tiêu OH&S ở từng cấp và các bộ phận chức năng liên quan để duy trì và cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý OH&S và kết quả hoạt động OH&S (xem 10.3).

Mục tiêu OH&S phải:

- a) nhất quán với chính sách OH&S;
- b) đo lường được (nếu có thể) hoặc có khả năng đánh giá kết quả hoạt động;
- c) tính đến:
 1. các yêu cầu phải thực hiện;
 2. kết quả đánh giá rủi ro và cơ hội (xem

and opportunities (see 6.1.2.2 and 6.1.2.3);

3. the results of consultation with workers (see 5.4), and, where they exist, workers' representatives;
- d) be monitored;
- e) be communicated
- f) be updated as appropriate.

6.1.2.2 và 6.1.2.3);

3. kết quả tham vấn với người lao động (xem 5.4), và, với đại diện của người lao động nếu có;
- d) được theo dõi;
- e) được trao đổi
- f) được cập nhật khi thích hợp.

6.2.2 Planning to achieve OH&S objectives

When planning how to achieve its OH&S objectives, the organization shall determine:

- a) what will be done;
- b) what resources will be required;
- c) who will be responsible;
- d) when it will be completed;
- e) how the results will be evaluated, including indicators for monitoring
- f) how the actions to achieve OH&S objectives will be integrated into the organization's business processes.

The organization shall maintain and retain documented information on the OH&S objectives and plans to achieve them.

7 Support

7.1 Resources

The organization shall determine and provide the resources needed for the establishment, implementation, maintenance and continual improvement of the OH&S management system.

7.2 Competence

The organization shall:

6.2.2 Hoạch định để đạt được các mục tiêu OH&S

Khi hoạch định cách thức đạt được mục tiêu OH&S, tổ chức phải xác định:

- a) những gì sẽ được thực hiện;
- b) những nguồn lực gì được yêu cầu;
- c) ai là người chịu trách nhiệm;
- d) khi nào mục tiêu được hoàn thành;
- e) cách thức để đánh giá các kết quả, bao gồm cả các chỉ số để theo dõi
- f) cách thức hành động để đạt được mục tiêu OH&S sẽ được tích hợp vào các quá trình hoạt động chủ chốt của tổ chức.

Tổ chức phải duy trì và lưu giữ thông tin dạng văn bản về các mục tiêu OH&S và kế hoạch để đạt được các mục tiêu đó.

7 Hỗ trợ

7.1 Nguồn lực

Tổ chức phải xác định và cung cấp các nguồn lực cần thiết để thiết lập, thực hiện, duy trì và cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý OH&S.

7.2 Năng lực

Tổ chức phải:

- a) determine the necessary competence of workers that affect or can affect its OH&S performance;
- b) ensure that workers are competent (including the ability to identify hazards) on the basis of appropriate education, training, or experience;
- c) where applicable, take actions to acquire the necessary competence, and evaluate the effectiveness of the actions taken;
- d) retain appropriate documented information as evidence of competence.

NOTE Applicable actions can include, for example: the provision of training to, the mentoring of, or the re-assignment of currently employed persons; or the hiring or contracting of competent persons.

7.3 Awareness

Workers shall be made aware of:

- a) the OH&S policy;
- b) their contribution to the effectiveness of the OH&S management system, including the benefits of improved OH&S performance;
- c) where applicable, take actions to acquire and maintain the necessary competence, and evaluate the effectiveness of the actions taken;
- d) incidents and outcome of the investigation of relevant to them;
- e) hazards and OH&S risks and actions determined that are relevant for them.
- f) the ability to remove themselves from work situations that they consider present an imminent and serious danger to their life or health, as well as the arrangements for protecting them from undue consequences for doing so.

7.4 Communication

7.4.1 General

- a) xác định năng lực cần thiết của người lao động có ảnh hưởng đến hay có thể có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động OH&S của tổ chức;
- b) đảm bảo những người này có đủ năng lực (bao gồm cả khả năng nhận biết các mối nguy) trên cơ sở giáo dục, đào tạo, hoặc kinh nghiệm thích hợp;
- c) Ở đâu có thể áp dụng, thực hiện các hành động để đạt được năng lực cần thiết, và đánh giá hiệu lực của các hành động đã thực hiện;
- d) lưu giữ thông tin dạng văn bản thích hợp làm bằng chứng về năng lực.

CHÚ THÍCH Các hành động áp dụng có thể bao gồm, ví dụ như, cung cấp đào tạo, cố vấn, hoặc phân công lại công việc của những người đang làm việc; hoặc thuê hay ký hợp đồng với người có đủ năng lực.

7.3 Nhận thức

Người lao động phải nhận thức được về:

- a) chính sách OH&S;
- b) sự đóng góp của họ vào tính hiệu lực của hệ thống quản lý OH&S, bao gồm cả những lợi ích của việc nâng cao kết quả hoạt động OH&S;
- c) Ở đâu có thể, có hành động để đạt được và duy trì năng lực cần thiết, và đánh giá hiệu lực của các hành động được thực hiện;
- d) sự cố và kết quả điều tra của các sự cố liên quan;
- e) các mối nguy và rủi ro OH&S và các hành động liên quan đến chúng.
- f) khả năng loại bỏ mối nguy và rủi ro khỏi những tình huống công việc mà họ cho là gây nguy hiểm và đe dọa nghiêm trọng cho sự sống hoặc sức khỏe của họ cũng như các cách thức để bảo vệ họ trước những hậu quả khi làm việc đó.

7.4 Trao đổi thông tin

7.4.1 Khái quát

The organization shall establish, implement and maintain the process(es) needed for the internal and external communications relevant to the OH&S management system, including determining:

- a) on what it will communicate;
- b) when to communicate;
- c) with whom to communicate:
 1. internally among the various levels and functions of the organization;
 2. with contractors and visitors to the workplace;
 3. among other interested parties;
- d) how to communicate;
- e) the organization shall take into account diversity aspects (e.g. gender, language, culture, literacy, disability) when considering its communication needs.

The organization shall ensure that the views of external interested parties are considered in establishing its communication process(es).

When establishing its communication process(es), the organization shall:

- take into account its legal requirements and other requirements;
- ensure that OH&S information to be communicated is consistent with information generated within the OH&S management system, and is reliable

The organization shall respond to relevant communications on its OH&S management system.

The organization shall retain documented information as evidence of its communications, as appropriate

7.4.2 Internal communication

The organization shall:

- a) internally communicate information relevant to the OH&S management system among the various levels and functions of the organization, including

Tổ chức phải thiết lập, thực hiện và duy trì (các) quá trình cần thiết cho việc trao đổi thông tin nội bộ và bên ngoài liên quan đến hệ thống quản lý OH&S, bao gồm việc xác định:

- a) sẽ trao đổi thông tin gì
- b) trao đổi thông tin khi nào;
- c) trao đổi thông tin với ai;
 1. nội bộ giữa các cấp và chức năng khác nhau của tổ chức;
 2. với các nhà thầu và khách đến thăm nơi làm việc;
 3. trong số các bên quan tâm khác;
- d) phương pháp trao đổi thông tin;
- e) tổ chức phải tính đến các khía cạnh của sự đa dạng (ví dụ như giới tính, ngôn ngữ, văn hoá, khả năng biết chữ, khuyết tật) khi cân nhắc nhu cầu trao đổi thông tin của họ.

Tổ chức phải đảm bảo rằng quan điểm của các bên quan tâm bên ngoài được cân nhắc trong khi thiết lập (các) quá trình trao đổi thông tin.

Khi thiết lập (các) quá trình trao đổi thông tin, tổ chức phải:

- có tính đến yêu cầu pháp lý và các yêu cầu khác.
- đảm bảo thông tin về OH&S được trao đổi nhất quán với thông tin phát sinh trong hệ thống quản lý OH&S và thông tin phải đáng tin cậy

Tổ chức phải đáp ứng các trao đổi thông tin liên quan về hệ thống quản lý OH&S của mình.

Tổ chức phải lưu giữ thông tin dạng văn bản làm bằng chứng về các thông tin liên lạc của mình, một cách thích hợp.

7.4.2 Trao đổi thông tin nội bộ

Tổ chức phải:

- a) trao đổi thông tin nội bộ liên quan đến hệ thống quản lý OH&S giữa các cấp và các bộ phận chức năng khác nhau của tổ chức, bao gồm cả các thay đổi đối với hệ thống quản lý

- changes to the OH&S management system, as appropriate;
- b) ensure its communication process(es) enables workers to contribute to continual improvement.

7.4.3 External communication

The organization shall externally communicate information relevant to the OH&S management system, as established by the organization's communication process(es) and taking into account its legal requirements and other requirements

7.5 Documented information

7.5.1 General

The organization's OH&S management system shall include:

- documented information required by this document;
- documented information determined by the organization as being necessary for the effectiveness of the OH&S management system.

NOTE The extent of documented information for an OH&S management system can differ from one organization to another due to:

- the size of organization and its type of activities, processes, products and services;
- the need to demonstrate fulfilment of legal requirements and other requirements;
- the complexity of processes and their interactions;
- the competence of workers.

7.5.2 Creating and updating

When creating and updating documented information the organization shall ensure appropriate:

- identification and description (e.g. a title, date, author, or reference number);
- format (e.g. language, software version,

OH&S, một cách thích hợp;

- đảm bảo (các) quá trình trao đổi thông tin cho phép người lao động đóng góp nhằm cải tiến thường xuyên.

7.4.3 Trao đổi thông tin bên ngoài

Tổ chức phải trao đổi với bên ngoài các thông tin liên quan đến hệ thống quản lý OH&S theo (các) quá trình trao đổi thông tin đã được thiết lập và có tính đến các yêu cầu pháp lý và các yêu cầu khác.

7.5 Thông tin dạng văn bản

7.5.1 Khái quát

Hệ thống quản lý OH&S của tổ chức phải bao gồm:

- thông tin dạng văn bản theo yêu cầu của Tiêu chuẩn này;
- thông tin dạng văn bản được tổ chức xác định là cần thiết để đảm bảo tính hiệu lực của hệ thống quản lý OH&S;

CHÚ THÍCH : Mức độ thông tin dạng văn bản cho hệ thống quản lý OH&S có thể khác nhau giữa các tổ chức do:

- quy mô của tổ chức và loại hình của các hoạt động, quá trình, sản phẩm và dịch vụ của tổ chức
- sự cần thiết để chứng minh việc thực hiện đầy đủ các yêu cầu pháp lý và các yêu cầu khác;
- tính phức tạp của các quá trình và sự tương tác của chúng;
- năng lực của người lao động.

7.5.2 Tạo ra và cập nhật thông tin dạng văn bản

Khi tạo lập và cập nhật thông tin dạng văn bản, tổ chức phải đảm bảo sự thích hợp của việc:

- nhận biết và mô tả (ví dụ: tiêu đề, thời gian, tác giả, hoặc số tham chiếu);
- định dạng (ví dụ: ngôn ngữ, phiên bản phần

graphics) and media (e.g. paper, electronic);

- c) review and approval for suitability and adequacy.

mềm, đồ họa) và phương tiện trao đổi thông tin (ví dụ: giấy, điện tử)

- c) xem xét và phê duyệt sự phù hợp và thỏa đáng.

7.5.3 Control of documented Information

Documented information required by the OH&S management system and by this Document shall be controlled to ensure:

- a) it is available and suitable for use, where and when it is needed;
- b) it is adequately protected (e.g. from loss of confidentiality, improper use, or loss of integrity).

For the control of documented information, the organization shall address the following activities, as applicable:

- distribution, access, retrieval and use;
- storage and preservation, including preservation of legibility;
- control of changes (e.g. version control);
- retention and disposition;

Documented information of external origin determined by the organization to be necessary for the planning and operation of the OH&S management system shall be identified as appropriate, and controlled.

NOTE 1 Access can imply a decision regarding the permission to view the documented information only, or the permission and authority to view and change the documented information.

NOTE 2 Access to relevant documented information includes access by workers, and, where they exist, workers' representatives.

7.5.3 Kiểm soát thông tin dạng văn bản

Thông tin dạng văn bản theo yêu cầu của hệ thống quản lý môi trường và của tiêu chuẩn này phải được kiểm soát để đảm bảo:

- a) sẵn có và phù hợp cho việc sử dụng đúng nơi và đúng lúc;
- b) được bảo vệ một cách thỏa đáng (ví dụ: để tránh mất tính bảo mật, sử dụng sai mục đích, hoặc mất tính toàn vẹn).

Đối với việc kiểm soát thông tin dạng văn bản, tổ chức phải giải quyết các hoạt động sau đây, khi có thể áp dụng:

- phân phối, tiếp cận, truy cập và sử dụng;
- lưu trữ và bảo quản, bao gồm cả giữ gìn để có thể dễ dàng xem được;
- kiểm soát các thay đổi (ví dụ: kiểm soát phiên bản);
- lưu giữ và hủy bỏ.

Thông tin dạng văn bản có nguồn gốc bên ngoài mà tổ chức xác định là cần thiết cho việc hoạch định và vận hành hệ thống quản lý OH&S phải được nhận dạng thích hợp và được kiểm soát.

CHÚ THÍCH: Tiếp cận có thể hiểu là một quyết định về việc chỉ cho phép xem các thông tin dạng văn bản, hoặc cho phép và ủy quyền để xem và thay đổi thông tin dạng văn bản.

Chú thích 2 Truy cập vào các thông tin dạng văn bản liên quan bao gồm cả việc tiếp cận của người lao động, và, đại diện của người lao động nếu có.

8 Operational planning and control

8.1.1 General

The organization shall plan, implement and control the processes needed to meet requirements of the OH&S management system, and to implement the actions determined in Clause 6, by:

- a) establishing criteria for the processes;
- b) implementing control of the processes in accordance with the criteria;
- c) Maintaining and retaining documented information to the extent necessary to have confidence that the processes have been carried out as planned;
- d) adapting work to workers.

At multi-employer workplaces, the organization shall coordinate the relevant parts of the OH&S management system with other organizations.

8.1.2 Eliminating hazards and reducing OH&S risks

The organization shall establish, implement and maintain a process(es) for the elimination of hazards and reduction of OH&S risks using the following “hierarchy of control”:

- a) eliminate the hazard;
- b) substitute with less hazardous materials, processes, operations or equipment;
- c) use engineering controls and reorganization of work;
- d) use administrative controls, including training;
- e) use of adequate personal protective equipment.

8.1.3 Management of change

The organization shall establish a process for the implementation and control of planned temporary and permanent changes that impact OH&S performance, including:

- a) new products, services and processes, or changes to existing products, services

8 Hoạch định và kiểm soát việc thực hiện

8.1.1 Khái quát

Tổ chức phải hoạch định, thực hiện và kiểm soát các quá trình cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của hệ thống quản lý OH&S và thực hiện các hành động được xác định trong Điều khoản 6, bằng cách:

- a) thiết lập các chuẩn mực thực hiện đối với các quá trình;
- b) thực hiện kiểm soát các quá trình phù hợp với các chuẩn mực thực hiện;
- c) duy trì & lưu giữ thông tin dạng văn bản ở mức độ đủ để tin chắc rằng các quá trình được diễn ra đúng như hoạch định;
- d) điều chỉnh công việc cho thích hợp với người lao động.

Tại những nơi làm việc với nhiều tổ chức, tổ chức phải điều phối các phần có liên quan của hệ thống quản lý OH&S với các tổ chức khác.

8.1.2 Loại bỏ mối nguy và giảm thiểu rủi ro OH&S

Tổ chức phải thiết lập, thực hiện & duy trì (các) quá trình để loại bỏ mối nguy & giảm thiểu các rủi ro OH&S bằng cách sử dụng hệ thống cấp bậc kiểm soát sau đây:

- a) loại bỏ mối nguy;
- b) thay thế bằng các vật liệu, quá trình, vận hành hoặc thiết bị ít độc hại hơn;
- c) sử dụng các kiểm soát kỹ thuật và tổ chức lại công việc;
- d) sử dụng các kiểm soát hành chính, bao gồm cả đào tạo;
- e) sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân thích hợp.

8.2 Quản lý sự thay đổi

Tổ chức phải thiết lập (các) quá trình thực hiện và kiểm soát các thay đổi đã hoạch định vĩnh viễn hay tạm thời có tác động đến kết quả hoạt động OH&S, bao gồm:

- a) sản phẩm, dịch vụ và quá trình mới hoặc thay đổi đối với các sản phẩm, dịch vụ và

and processes, including:

- workplace locations and surroundings;
 - work organization;
 - working conditions;
 - equipment;
 - work force;
- b) changes to applicable legal requirements and other requirements;
- c) changes in knowledge or information about hazards and OH&S risks;
- d) developments in knowledge and technology.

The organization shall review the consequences of unintended changes, taking action to mitigate any adverse effects, as necessary.

NOTE Changes can result in risks and opportunities.

quá trình hiện có, bao gồm:

- vị trí các nơi làm việc và môi trường xung quanh;
 - sắp xếp tổ chức công việc;
 - điều kiện làm việc;
 - trang thiết bị;
 - lực lượng lao động;
- b) các thay đổi về yêu cầu pháp lý và các yêu cầu khác;
- c) thay đổi kiến thức hoặc thông tin về mối nguy & rủi ro OH&S;
- d) các phát triển trong tri thức và công nghệ.

Tổ chức phải xem xét các hậu quả của những thay đổi ngoài ý muốn, có hành động để giảm thiểu bất kỳ tác động tiêu cực khi cần thiết

CHÚ THÍCH Các thay đổi có thể dẫn đến rủi ro và cơ hội

8.1.4 Procurement

8.1.4.1 General

The organization shall establish, implement and maintain a process(es) to control the procurement of products and services in order to ensure their conformity to its OH&S management system

8.1.4.2 Contractors

The organization shall coordinate its procurement process(es) with its contractors, to identify hazards and to assess and control the OH&S risks, arising from the:

- a) contractors' activities and operations that impact the organization;
- b) organization's activities and operations that impact the contractors' workers;
- c) contractors' activities and operations that

8.1.4 Mua sắm

8.1.4.1 Khái quát

Tổ chức phải thiết lập, thực hiện và duy trì (các) quá trình để kiểm soát việc mua sắm các sản phẩm và dịch vụ nhằm đảm bảo sự phù hợp với hệ thống quản lý OH&S

8.1.4.2 Nhà thầu

Tổ chức phải điều phối quá trình mua sắm của mình với các nhà thầu, để nhận biết các mối nguy và để đánh giá và kiểm soát các rủi ro OH&S, phát sinh từ:

- a) các hoạt động và vận hành của nhà thầu ảnh hưởng đến tổ chức;
- b) các hoạt động và vận hành của tổ chức có ảnh hưởng đối với người lao động của nhà thầu;
- c) các hoạt động và vận hành của nhà thầu có

impact other interested parties in the workplace

ảnh hưởng đối với các bên quan tâm khác tại nơi làm việc;

The organization shall ensure that the requirements of its OH&S management system are met by contractors and their workers. The organization's procurement process(es) shall define and apply occupational health and safety criteria for the selection of contractors

NOTE It can be helpful to include the occupational health and safety criteria for the selection of contractors in the contractual documents

8.1.4.3 Outsourcing

The organization shall ensure that outsourced functions and processes are controlled. The organization shall ensure that its outsourcing arrangements are consistent with legal requirements and other requirements and with achieving the intended outcomes of the OH&S management system. The type and degree of control to be applied to these functions and processes shall be defined within the OH&S management system.

NOTE Coordination with external providers can assist an organization to address any impact that outsourcing has on its OH&S performance.

8.2 Emergency preparedness and response

The organization shall establish, implement and maintain a process(es) needed to prepare for and respond to potential emergency situations, as identified in 6.1.2.1, including:

- a) establishing a planned response to emergency situations, including the provision of first aid;
- b) providing training for the planned response;
- c) periodically testing and exercising the planned response capability;
- d) evaluating performance and, as necessary, revising the planned response, including after testing and in

Tổ chức phải đảm bảo rằng các yêu cầu của hệ thống quản lý OH&S được các nhà thầu và người lao động của họ đáp ứng. (Các) quá trình mua sắm của tổ chức phải xác định và áp dụng các chuẩn mực OH&S để lựa chọn nhà thầu

CHÚ THÍCH Điều này sẽ rất hữu ích khi bổ sung các chuẩn mực về an toàn và sức khỏe cho việc lựa chọn nhà thầu trong các văn bản hợp đồng.

8.1.4.3 Thuê ngoài

Tổ chức phải đảm bảo rằng các chức năng và quá trình thuê ngoài được kiểm soát. Tổ chức phải đảm bảo rằng các thỏa thuận thuê ngoài của mình nhất quán với yêu cầu pháp lý và các yêu cầu khác và đạt được các kết quả dự kiến của hệ thống quản lý OH&S. Loại và mức độ kiểm soát được áp dụng cho các chức năng và quá trình thuê ngoài này phải được xác định trong hệ thống quản lý OH&S.

CHÚ THÍCH Sự phối hợp với các nhà cung cấp bên ngoài có thể hỗ trợ tổ chức giải quyết bất kỳ tác động nào ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của OH&S của hoạt động gia công.

8.2 Chuẩn bị sẵn sàng và ứng phó với tình huống khẩn cấp

Tổ chức phải thiết lập, thực hiện và duy trì (các) quá trình cần thiết để chuẩn bị và ứng phó với các tình huống khẩn cấp tiềm ẩn, như được nhận biết tại 6.1.2.1, bao gồm:

- a) thiết lập kế hoạch ứng phó với các tình huống khẩn cấp, bao gồm cả việc sơ cứu;
- b) cung cấp đào tạo cho sự ứng phó được hoạch định;
- c) thử nghiệm định kỳ và tập luyện khả năng ứng phó được hoạch định;
- d) đánh giá kết quả tập luyện, và nếu cần thiết, chỉnh sửa kế hoạch ứng phó bao gồm cả sau khi thử nghiệm và đặc biệt là sau khi

- particular after the occurrence of emergency situations;
- e) communicating and providing relevant information to all workers on their duties and responsibilities;
 - f) the communication of relevant information to contractors, visitors, emergency response services, government authorities, and, as appropriate, the local community.
 - g) taking into account the needs and capabilities of all relevant interested parties and ensuring their involvement, as appropriate, in the development of the planned response.

xảy ra các tình huống khẩn cấp;

- e) trao đổi và cung cấp thông tin liên quan đến tất cả người lao động theo nghĩa vụ và trách nhiệm;
- f) trao đổi thông tin liên quan cho các nhà thầu, khách tham quan, dịch vụ ứng phó khẩn cấp, các cơ quan chính phủ, và, khi thích hợp, cộng đồng địa phương.
- g) có tính đến nhu cầu và khả năng của tất cả các bên quan tâm và đảm bảo sự tham gia của họ, khi thích hợp, cả trong việc xây dựng các kế hoạch ứng phó.

The organization shall maintain and retain documented information on the process and on the plans for responding to potential emergency situations.

Tổ chức phải duy trì và lưu giữ thông tin dạng văn bản về quá trình và kế hoạch để ứng phó với các tình huống khẩn cấp tiềm ẩn.

9 Performance evaluation

9 Đánh giá kết quả hoạt động

9.1 Monitoring, measurement, analysis and evaluation

9.1 Theo dõi, đo lường, phân tích và đánh giá

9.1.1 General

9.1.1 Khái quát

The organization shall establish, implement and maintain a process(es) for monitoring, measurement and performance evaluation.

Tổ chức phải thiết lập, thực hiện và duy trì một (các) quá trình cho việc theo dõi, đo lường và đánh giá kết quả hoạt động.

The organization shall determine:

Tổ chức phải xác định:

- a) what needs to be monitored and measured, including:
 1. the extent to which legal requirements and other requirements are fulfilled;
 2. Its activities and operations related to identified hazards, risks, and OH&S opportunities;
 3. progress towards achievement of the organization's OH&S objectives;
 4. effectiveness of operational and other controls;

- a) những gì cần phải được theo dõi và đo lường, bao gồm:
 1. mức độ thực hiện các yêu cầu pháp lý và các yêu cầu khác;
 2. các hoạt động và vận hành liên quan đến mối nguy và rủi ro OH&S đã nhận biết và các cơ hội OH&S;
 3. Sự tiến triển của việc đạt được các mục tiêu OH&S của tổ chức;
 4. hiệu lực của việc vận hành và các kiểm soát khác;

- b) the methods for monitoring, measurement, analysis and evaluation, as applicable, to ensure valid results;
- c) the criteria against which the organization will evaluate its OH&S performance;
- d) when the monitoring and measuring shall be performed;
- e) when the results from monitoring and measurement shall be analyzed, evaluated and communicated

The organization shall evaluate the OH&S performance, and determine the effectiveness of the OH&S management system.

The organization shall ensure that monitoring and measuring equipment is calibrated or verified as applicable, and is used and maintained as appropriate.

NOTE There can be legal requirements or other requirements (e.g. national or international standards) concerning the calibration or verification of monitoring and measuring equipment.

The organization shall retain appropriate documented information:

- as evidence of the results of monitoring, measurement, analysis and performance evaluation;
- on the maintenance, calibration or verification of measuring equipment.

9.1.2 Evaluation of compliance

The organization shall establish, implement and maintain a process(es) for evaluating compliance with legal requirements and other requirements (see 6.1.3).

The organization shall:

- a) determine the frequency and method(s) for the evaluation of compliance;
- b) evaluate compliance and take action if needed (see 10.2);
- c) maintain knowledge and understanding

- b) các phương pháp theo dõi, đo lường, phân tích và đánh giá có thể áp dụng, để đảm bảo kết quả có giá trị;

- c) các chuẩn mực làm căn cứ để tổ chức đánh giá kết quả hoạt động OH&S;

- d) khi nào việc theo dõi và đo lường được thực hiện;

- e) khi nào kết quả theo dõi và đo lường được phân tích đánh giá và trao đổi thông tin.

Tổ chức phải đánh giá kết quả hoạt động OH&S, và xác định tính hiệu lực của hệ thống quản lý OH&S.

Tổ chức phải đảm bảo rằng thiết bị theo dõi và đo lường được hiệu chuẩn hoặc được kiểm tra xác nhận một cách thích hợp và chúng được sử dụng và bảo trì thích hợp.

CHÚ THÍCH Có thể có các yêu cầu pháp lý hoặc các yêu cầu khác (ví dụ như các tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế) liên quan đến việc hiệu chuẩn hay kiểm tra xác nhận các thiết bị theo dõi và đo lường.

Tổ chức phải giữ lại các thông tin dạng văn bản thích hợp:

- Làm bằng chứng về các kết quả theo dõi, đo lường, phân tích và đánh giá kết quả hoạt động;
- về việc bảo trì, hiệu chuẩn hoặc kiểm tra xác nhận thiết bị đo lường.

9.1.2 Đánh giá sự tuân thủ

Tổ chức phải thiết lập, thực hiện và duy trì một (các) quá trình để đánh giá sự tuân thủ các yêu cầu pháp lý và các yêu cầu khác (xem 6.1.3).

Tổ chức phải:

- a) xác định tần suất và phương pháp đánh giá sự tuân thủ;
- b) đánh giá sự tuân thủ và thực hiện hành động khi cần thiết (xem 10.2);
- c) duy trì tri thức và hiểu biết về tình trạng tuân

of its compliance status with legal requirements and other requirements;

- d) retain documented information of the compliance evaluation result(s).

9.2 Internal audit

9.2.1 General

The organization shall conduct internal audits at planned intervals to provide information on whether the OH&S management system:

- a) conforms to:
1. the organization's own requirements for its OH&S management system, including the OH&S policy and OH&S objectives;
 2. the requirements of this document;
- b) is effectively implemented and maintained

9.2.2 Internal audit programme

The organization shall:

- a) plan, establish, implement and maintain an audit programme(s) including the frequency, methods, responsibilities, consultation, planning requirements and reporting, which shall take into consideration the importance of the processes concerned and the results of previous audits
- b) define the audit criteria and scope for each audit;
- c) select auditors and conduct audits to ensure objectivity and the impartiality of the audit process;
- d) ensure that the results of the audits are reported to relevant managers; ensure that relevant audit results are reported to workers, and, where they exist, workers' representatives, and other relevant interested parties;
- e) take action to address nonconformities and continually improve its OH&S performance (see Clause 10);
- f) retain documented information as evidence of the implementation of the audit programme and the audit results.

thủ với các yêu cầu pháp lý và các yêu cầu khác;

- d) lưu giữ thông tin dạng văn bản về kết quả đánh giá sự tuân thủ.

9.2 Đánh giá nội bộ

9.2.1 Khái quát

Tổ chức phải tiến hành các cuộc đánh giá nội bộ theo tần suất được hoạch định để cung cấp thông tin về việc hệ thống quản lý OH&S:

- a) có phù hợp với:
1. các yêu cầu của chính tổ chức đối với hệ thống quản lý OH&S, bao gồm chính sách và mục tiêu OH&S;
 2. các yêu cầu của Tiêu chuẩn này;
- b) có được thực hiện và duy trì một cách có hiệu lực

9.2.2 Chương trình đánh giá nội bộ

Tổ chức phải:

- a) hoạch định, thiết lập, thực hiện và duy trì (các) chương trình đánh giá bao gồm cả các yêu cầu về tần suất, phương pháp, trách nhiệm, sự tham vấn, lập kế hoạch và báo cáo, có tính đến tầm quan trọng của các quá trình có liên quan, và kết quả của các cuộc đánh giá trước đó
- b) xác định chuẩn mực đánh giá và phạm vi cho mỗi cuộc đánh giá/;
- c) lựa chọn đánh giá viên và tiến hành đánh giá để đảm bảo tính khách quan và độc lập của quá trình đánh giá;
- d) đảm bảo rằng các kết quả đánh giá được báo cáo cho các quản lý có liên quan; đảm bảo rằng các kết quả đánh giá có liên quan được báo cáo cho người lao động và, nếu có, đại diện của người lao động và các bên quan tâm khác có liên quan;
- e) có hành động để giải quyết các điểm không phù hợp và cải tiến thường xuyên kết quả hoạt động OH&S (xem điều 10);
- f) lưu giữ thông tin dạng văn bản làm bằng chứng về việc thực hiện chương trình đánh

giá và về các kết quả đánh giá.

NOTE For more information on auditing and the competence of auditors, see ISO 19011.

9.3 Management review

Top management shall review the organization's OH&S management system at planned intervals to ensure its continuing suitability, adequacy and effectiveness.

The management review shall include consideration of:

- a) the status of actions from previous management reviews;
- b) changes in external and internal issues that are relevant to the OH&S management system including:
 - 1. the needs and expectations of interested parties;
 - 2. legal requirements and other requirements;
 - 3. risks and opportunities;
- c) the extent to which the OH&S policy and the OH&S objectives have been met;
- d) information on the OH&S performance, including trends in:
 - 1. incidents, nonconformities, corrective actions and continual improvement;
 - 2. monitoring and measurement results;
 - 3. results of evaluation of compliance with legal requirements and other requirements;
 - 4. audit results;
 - 5. consultation and participation of workers;
 - 6. risks and opportunities;
- e) adequacy of resources for maintaining an effective OH&S management system;
- f) relevant communication(s) with interested parties;

CHÚ THÍCH Để có thêm thông tin về đánh giá và năng lực của đánh giá viên, xem ISO 19011.

9.3 Xem xét của lãnh đạo

Lãnh đạo cao nhất phải xem xét hệ thống quản lý OH&S của tổ chức theo tần suất được hoạch định, để đảm bảo nó luôn phù hợp, thỏa đáng và có hiệu lực.

Xem xét của lãnh đạo phải gồm việc cân nhắc đến:

- a) tình trạng của các hành động từ các cuộc xem xét của lãnh đạo trước đó;
- b) các thay đổi trong các vấn đề nội bộ và bên ngoài mà liên quan đến hệ thống quản lý OH&S bao gồm:
 - 1. các nhu cầu và mong đợi của các bên quan tâm;
 - 2. yêu cầu pháp lý và các yêu cầu khác;
 - 3. các rủi ro và cơ hội;
- c) mức độ đáp ứng của chính sách OH&S và các mục tiêu của OH&S;
- d) thông tin về kết quả hoạt động OH&S, bao gồm cả các xu hướng về:
 - 1. các sự cố, sự không phù hợp, các hành động khắc phục và cải tiến thường xuyên;
 - 2. kết quả theo dõi và đo lường;
 - 3. kết quả đánh giá sự tuân thủ các yêu cầu pháp lý và các yêu cầu khác;
 - 4. các kết quả đánh giá;
 - 5. sự tham vấn và tham gia của người lao động;
 - 6. các rủi ro và cơ hội;
- e) sự thỏa đáng của các nguồn lực để duy trì hệ thống quản lý OH&S có hiệu lực;
- f) (các) trao đổi thông tin có liên quan với các

bên quan tâm;

g) opportunities for continual improvement.

The outputs of the management review shall include decisions related to:

- continuing suitability, adequacy and effectiveness of the OH&S management system in achieving its intended outcomes;
- continual improvement opportunities ;
- any need for changes to the OH&S management system
- resources needed;
- actions if needed;
- opportunities to improve integration of the OH&S management system with other business processes;
- any implications for the strategic direction of the organization.

Top management shall communicate the relevant outputs of management reviews to workers, and, where they exist, workers' representatives (see 7.4).

The organization shall retain documented information as evidence of the results of management reviews.

10 Improvement

10.1 General

The organization shall determine opportunities for improvement (see Clause 9) and implement necessary actions to achieve the intended outcomes of its OH&S management system.

10.2 Incident, nonconformity and corrective action

The organization shall establish, implement and maintain a process(es), including reporting,

g) các cơ hội cải tiến thường xuyên.

Kết quả đầu ra của xem xét của lãnh đạo phải bao gồm các quyết định liên quan tới:

- sự tiếp tục phù hợp, tính thỏa đáng và hiệu lực của hệ thống quản lý OH&S trong việc đạt được các kết quả dự kiến;
- các cơ hội cải tiến thường xuyên;
- bất cứ nhu cầu về thay đổi nào đối với hệ thống quản lý OH&S
- các nguồn lực cần thiết;
- các hành động nếu cần thiết;
- Cơ hội để cải tiến việc tích hợp hệ thống quản lý OH&S với các quá trình hoạt động chủ chốt khác;
- Bất kỳ gợi ý nào cho định hướng chiến lược của tổ chức.

Lãnh đạo cao nhất phải trao đổi về các kết quả có liên quan của việc xem xét của lãnh đạo cho người lao động và đại diện người lao động (xem 7.4) nếu có.

Tổ chức phải lưu giữ thông tin dạng văn bản làm bằng chứng về kết quả xem xét của lãnh đạo.

10 Cải tiến

10.1 Khái quát

Tổ chức phải xác định các cơ hội để cải tiến (xem điều khoản 9) và thực hiện các hành động cần thiết để đạt được kết quả mong muốn của hệ thống quản lý OH&S của mình.

10.2 Sự cố, sự không phù hợp và hành động khắc phục

Tổ chức phải thiết lập, thực hiện và duy trì (các) quá trình, bao gồm việc báo cáo, điều tra và thực

investigating and taking action, to determine and manage incidents and nonconformities.

When an incident or a nonconformity occurs, the organization shall:

- a) react in a timely manner to the incident or nonconformity, and, as applicable:
 - 1. take action to control and correct it;
 - 2. deal with the consequences;
- b) evaluate, with the participation of workers (see 5.4) and the involvement of other relevant interested parties, the need for corrective action to eliminate the root cause(s) of the incident or nonconformity, in order that it does not recur or occur elsewhere, by:
 - 1. investigating the incident or reviewing the nonconformity;
 - 2. determining causes of the incident or nonconformity;
 - 3. determining if similar incidents, nonconformities, exist, or could potentially occur;
- c) review the assessment of OH&S risks and risks, as appropriate (see 6.1);
- d) determine and implement any action needed, including corrective action, in accordance with the hierarchy of controls (see 8.1.2) and the management of change (see 8.1.3);
- e) assess OH&S risks that relate to new or changed hazards, prior to taking action;
- f) review the effectiveness of any action taken, including corrective action;
- g) make changes to the OH&S management system, if necessary.

Corrective actions shall be appropriate to the effects or potential effects of the incidents or nonconformities encountered.

The organization shall retain documented

hiện hành động để xác định và quản lý các sự cố và sự không phù hợp.

Khi xảy ra sự cố hoặc sự không phù hợp, tổ chức phải:

- a) ứng phó kịp thời với sự cố hay sự không phù hợp một cách thích hợp:
 - 1. có hành động để kiểm soát và khắc phục nó;
 - 2. xử lý các hệ quả;
- b) đánh giá, với sự tham gia của người lao động (xem 5.4) và sự tham gia của các bên quan tâm có liên quan, về sự cần thiết phải có hành động khắc phục để loại bỏ (các) nguyên nhân gốc của sự cố, sự không phù hợp, ngăn ngừa sự tái diễn hay xảy ra ở những nơi khác, bằng cách:
 - 1. điều tra sự cố hoặc xem xét sự không phù hợp;
 - 2. xác định các nguyên nhân của sự cố và sự không phù hợp;
 - 3. xác định xem có tồn tại sự cố, sự không phù hợp tương tự, hoặc có khả năng xảy ra;
- c) xem xét đánh giá rủi ro OH&S và rủi ro, khi thích hợp (xem 6.1);
- d) xác định và thực hiện bất kỳ hành động cần thiết, bao gồm cả hành động khắc phục, phù hợp với hệ thống cấp bậc kiểm soát (xem 8.1.2) và quản lý sự thay đổi (xem 8.1.3);
- e) đánh giá rủi ro OH&S liên quan đến các mối nguy mới hoặc thay đổi, trước khi hành động;
- f) xem xét tính hiệu lực của bất kỳ hành động nào được thực hiện, bao gồm hành động khắc phục;
- g) thực hiện các thay đổi đối với hệ thống quản lý OH&S, nếu cần.

Hành động khắc phục phải thích hợp với tác động hoặc tác động tiềm ẩn của sự cố và sự không phù hợp.

Tổ chức phải lưu giữ thông dạng văn bản làm bằng

information as evidence of:

- the nature of the incidents or nonconformities and any subsequent actions taken;
- the results of any corrective action, including the effectiveness of the actions taken.

The organization shall communicate this documented information to relevant workers, and where they exist, workers' representatives, and relevant interested parties.

NOTE The reporting and investigation of incidents without undue delay can enable hazards to be eliminated and associated OH&S risks to be minimized as soon as possible.

chứng về:

- bản chất của sự cố và sự không phù hợp và bất kỳ hành động nào được thực hiện sau đó;
- kết quả của bất kỳ hành động khắc phục, bao gồm hiệu lực của các hành động đã thực hiện.

Tổ chức phải trao đổi thông tin dạng văn bản này cho người lao động có liên quan, và đại diện của người lao động, nếu có, và các bên quan tâm có liên quan.

CHÚ THÍCH Việc báo cáo và điều tra các sự cố không chậm trễ có thể cho phép các mối nguy được loại bỏ và rủi ro OH&S được giảm thiểu đến mức thấp nhất càng sớm càng tốt.

10.2 Continual improvement

10.2.1 Continual improvement objectives

The organization shall continually improve the suitability, adequacy and effectiveness of the OH&S management system, by:

- a) enhancing OH&S performance;
- b) promoting a culture that supports an OH&S management system;
- c) promoting the participation of workers in implementing actions for the continual improvement of the OH&S management system;
- d) communicating the relevant results of continual improvement to workers, and, where they exist, workers' representatives;
- e) maintaining and retaining documented information as evidence of continual improvement.

10.2 Cải tiến thường xuyên

10.2.1 Mục tiêu cải tiến thường xuyên

Tổ chức sẽ cải tiến thường xuyên sự phù hợp, sự thỏa đáng và hiệu quả của hệ thống quản lý OH&S, bằng cách:

- a) tăng cường kết quả hoạt động của OH&S;
- b) thúc đẩy văn hoá hỗ trợ hệ thống quản lý OH&S;
- c) thúc đẩy sự tham gia của người lao động trong việc thực hiện các hành động nhằm cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý OH&S;
- d) trao đổi thông tin kết quả liên quan đến cải tiến thường xuyên cho người lao động và, nếu có, đại diện người lao động;
- e) duy trì và lưu giữ thông tin dạng văn bản làm bằng chứng của việc cải tiến thường xuyên.